

TỤC CAO TĂNG TRUYỆN

QUYỂN 16

CHƯƠNG III: TẬP THIÊN

TRONG PHẦN 1 CỦA CHƯƠNG III

(Chánh truyện có hai mươi ba vị, phụ có mười lăm vị)

1/ Truyện ngài Thích Tăng Phó trụ chùa Định Lâm ở Chung Sơn, thời Nam Lương.

2/ Truyện ngài Thích Tuệ Thắng trụ chùa Diên Hiền ở Chung Sơn, thời Nam Lương (Tuệ Sơ).

3/ Truyện ngài Thích Đạo Trân ở Lô Sơn thuộc Giang Châu, thời Nam Lương (Pháp Quy, Tuệ Cảnh).

4/ Truyện Thiền sư Phật Đà- người Thiên Trúc ở chùa Thiếu Lâm thuộc Trung Nhạc đời Ngụy.

5/ Truyện ngài Bồ Đề Đạt Ma- người Nam Thiên Trúc ở Nghiệp Hạ, thời Nam Tề (Đạo Tiêu)

6/ Truyện ngài Thích Tăng Khả ở Nghiệp Trung, thời Bắc Tề (Hương cư sĩ, Hóa Công, Liệt Công, Pháp Lâm, Tăng Na, Tuệ Mãn).

7/ Truyện ngài Thích Tăng Đạt trụ chùa Hồng Cốc ở núi Lâm Lự, thời Bắc Tề.

8/ Truyện ngài Thích Tăng Điều trụ chùa Vân Môn ở Long Sơn, thuộc Nghiệp Tây, thời Bắc Tề.

9/ Truyện ngài Thích Pháp Thông trụ chùa Cảnh Không ở Tương Dương, thuộc Nam Ung Châu, thời Hậu Lương.

10/ Truyện ngài Thích Trí Viễn trụ chùa Khai Thiện ở Chung Sơn, đời Trần.

11/ Truyện ngài Thích Pháp Thường ở núi Phúc Thuyền thuộc Kinh Châu, thời Hậu Lương.

12/ Truyện ngài Thích Pháp Thường trụ chùa Trường Sa thuộc Kinh Châu, thời Hậu Lương.

13/ Truyện ngài Thích Pháp Lãm ở núi Ngọc Tuyền thuộc Kinh Châu, thời Hậu Lương.

14/ Truyện ngài Thích Tuệ Thành trụ chùa Thuyền Tuệ ở Chi Giang, thuộc Kinh Châu, thời Hậu Lương.

15/ Truyện ngài Thích Pháp Nhẫn ở núi Ngọc Tuyền thuộc Kinh Châu, thời Hậu Lương.

16/ Truyện ngài Thích Tăng Thật trụ chùa Truy Viễn ở Kinh Đô, thời Bắc Chu.

17/ Truyện ngài Thích Tăng Vĩ trụ chùa Thiên Bảo ở Kinh Đô, thời Bắc Chu.

18/ Truyện ngài Thích Đàm Tướng trụ chùa Đại Phước Điền ở Kinh Đô, đời Bắc Chu

19/ Truyện ngài Thích Đạo Chánh là Sa-môn tu hạnh Lan-nhã ở Thương Châu, đời Tùy.

20/ Truyện ngài Thích Đàm Tuân trụ chùa Bách Tiêu ở Hoài Châu, đời Tùy.

21/ Truyện ngài Thích Pháp Sung trụ chùa Hóa Thành ở Lô Sơn thuộc Giang Châu, đời Tùy.

22/ Truyện ngài Thích Tín Hạnh trụ chùa Chân Tịch ở Kinh Đô, đời Tùy (Bùi Huyền Chứng).

23/ Truyện ngài Thích Tuệ Ý trụ chùa Cảnh Không ở Tương Châu, đời Tùy (Pháp Vĩnh, Sâm Xà-lê, Trí Hiếu).

1- Truyện ngài Thích Tăng Phó trụ chùa Định Lâm ở Chung Sơn:

Thích Tăng Phó, họ Vương, người ở huyện Kỳ thuộc Thái Nguyên. Thờ nhỏ Sư đã chẳng đũa cột, xét soi vượt qua mọi người. Khi qua độ tuổi tiểu học, nhận thức của Sư đã thành cảnh hạnh, khắp trong làng xóm đều gọi Sư là Kỳ đặc. Không bậc Nhân giả nào vượt hơn Sư. Tánh Sư ưa thích định tĩnh, đi chẳng kể xa gần, Sư mang lương thực tìm thầy học đạo, nơi nào cũng đến.

Bấy giờ, có Thiên sư Đạt-ma là bậc khéo trông suốt Quán hạnh, đi khắp các hang động, nói năng sâu rộng. Sư bèn xuất gia với Ngài. Nghĩa lý không phải hỏi lại, chỉ một lần nghe là thấu suốt hoài bão, tìm xét đầu mối, là chỗ y cứ của Định học. Sau, Sư đi khắp các trường giảng, xem hết các kinh luận, và biết rằng học chỉ vì mình còn bậc Thánh thì vô ngôn.

Vào niên hiệu Kiến Võ (494-498) thời Nam Tề, Sư đi về hướng

Nam đến Dương Liễu, dừng trụ chùa Định Lâm ở Chung Sơn. Sư rất yêu thích rừng chầm ở đó, được gá tâm vào cảnh tươi đẹp. Hạnh vượt cả băng sương, lời nói rất được kính tin. Ngoài ba Pháp Y, sáu vật tùy thân, Sư không chứa để thêm một thứ gì. Những lúc Sư vào làng, kẻ tăng người tục đều chiêm ngưỡng. Các bậc Vương Hầu hỏi đạo Sư từ chối không giảng, chồn cung vi gần trong gang tấc nhưng Sư không hề đến yết kiến, thăm hầu. Hạnh Sư làm gương mẫu cho người, Tăng tục đều chú ý. Vua Võ Đế (Tiêu Diễn) thời Nam Lương vốn kính mến Đạo phong thanh bạch, của Sư nên ngợi khen tán thưởng, bèn bảo thợ xem xét căn phòng ở chùa Khai Thiện để tiếp đãi Sư, vì ngại Sư có ý tưởng núi rừng nên làm như vậy. Sư thường rảo bước đến cửa, chống gậy mà than rằng: “Nhà tường bao quanh, ngõ cỏ lấp bí, há ngồi trong đó mà lấy làm vui, sao quý rộng lớn mà khinh thường cỏ tranh ư? Vả lại, an định mà hay dời đổi. Điều ưa chuộng của người xưa sao lại trệ ngại nơi đây, dùng để thưởng ngoạn tai mắt ư? Sư để tâm ở Mân lãnh, quán Nga My kia. Gặp Tây Xương Hầu Tiêu Uyên Tảo ra trấn nhậm tại Thục Châu, Sư mới rủ áo nương theo đi đến Tỉnh Lạc. Tuy đường phải đi qua cửu chiết mà chẳng quên Tam niệm. Lại vì ít ưa thích kinh sách nên cầm quyển mà lặng thinh, động dờ thêm lỗi, khiến cho Thiên Pháp ở Dung Thục nhờ đó được hưng thịnh.

Lâu sau, Sư lại trở về Kim Lăng, lại trụ chùa Khai Thiện. Trước kia tại núi ở Hồ Dục có vị Thần hiện đem “Tuệ Ấn Tam muội” trao cho Nam Bình Vương Quán, vì bệnh mà thực hành trai pháp ba tuần. Nếu không hiểu pháp này thì đến hỏi Sa-môn Tăng Phó!” Khi đó, bèn đem đến hỏi Sư. Và quả nhiên đó là Pháp mà Sư đã từng hành trì. Nam Bình Vương Quán bèn thực hành cúng trai, bệnh được lành mạnh bình phục. Há chẳng phải trong nhân ngoài kết cấu giúp nhau khởi lên hay sao. Không bao lâu, Sư qua đời tại chùa Khai Thiện, thọ sáu mươi một tuổi, lúc đó nhằm niên hiệu Phổ Thông thứ năm (524) thời Nam Lương. An táng Sư ở ngoài Đô Môn của chùa Định Lâm hạ. Vua Võ Đế vô cùng buồn thương, ban sắc cấp tặng.

Lúc trước khi bị bệnh nặng, có người khuyên nên tu phước, Sư bèn dốc sức trong cơn bệnh ngồi dậy, cố gắng bảo rằng: “Dùng của cải để kéo dài mạng sống là cách Xa Đạo! Mọi vật trong phòng tôi đều cúng thí cho Chiêu-đề tăng. Nhục thân tôi sau khi chết chỉ nên đem bỏ trong hang núi để cấp thí cho loài cầm thú no đủ, như vậy chẳng tốt hơn ư? Chớ nên xây dựng quan quách mộ tháp mà trái với ý tôi!” Môn nhân Đệ tử than khóc, chẳng nỡ làm theo lời Sư, cùng nhau khắc văn bia để

khen ngợi đức hạnh Sư. Và Công chúa Vĩnh Hưng là người vốn có tâm quý tín, đến trình với Đông cung xin soạn văn bia đó. Có lệnh sai Tướng Đông Vương Dịch, dựng bia ở tại chùa.

2- Truyện ngài Thích Tuệ Thắng trụ chùa Diên Hiền ở Chung Sơn:

Thích Tuệ Thắng, người ở Giao Chỉ, trụ chùa Tiên Châu, gá thân chốn rừng chằm, tâm rảnh rang ngoài vật. Ngài tụng Kinh Pháp Hoa mỗi ngày một biến. Năm tháng chóng trôi qua, Sư ăn mặt tiết chế, chỉ đủ che thân. Sư học các Pháp Quán hạnh với Thiên sư Đạt-Ma-Đề-Bà người ngoại quốc. Mỗi lần nhập định thì mãi đến sáng hôm sau mới xả.

Có Lưu Tích ở Bành Thành ra trấn thủ Nam Hải, nghe đạo phong của Sư nên sai người thỉnh cùng trở về. Nhân đó, Sư đến trụ chùa U Thê, giấu kín tông tích, thường tỏ ra như người ngu dốt. Song, những người ở lâu thì kính trọng Sư, người học thiền rất mến quý. Trong chùa U Thê không có nấu thức ăn, chỉ đi khát thực, rất tuân theo sự thanh khiết cần kiệm.

Niên hiệu Vĩnh Minh thứ năm (487) thời Nam Tề, Sư dời về tinh xá Diên Hiền ở Chung Sơn. Từ thưở nhỏ đến lúc tuổi già, tâm Sư luôn trong trắng chân chánh. Đến niên hiệu Thiên giám thứ năm (506) thời Nam Lương, Sư thị tịch, thọ bảy mươi tuổi.

Bấy giờ, tại chùa Tịnh Danh, có Thiên sư Tuệ Sơ, là người xứ Thiên Thủy thuộc đất Ngụy. Ngài chỉ ở trong thai mẹ bảy tháng thì sinh. Vừa mới có sự nhận biết, Ngài đã thích thực hành thiền niệm, có lần ở chỗ rỗng rang phòng nhà trống vắng, không hay biết sấm sét nổ vang. Khi đó hẳn là Sư đang trú tâm nơi tĩnh lặng sâu mầu, không thể lường được, Chí Sư cao xa trong lắng, vượt ngoài người vật. Về sau, Sư đến nước Lương, trụ chùa Hưng Hoàng. Thường ở trong phòng vắng nhiếp tĩnh, ngọc khuê chướng chiếu sáng bên ngoài. Kẻ tăng người tục đến thưa hỏi giáo Pháp, tiếng tăm vang xa khắp cả Hoàng Ấp. Vua Võ Đế (Tiêu Diên) bèn xây dựng thiền phòng tại chùa Tịnh Danh để Sư trụ ở đó, suốt bốn mùa cung cấp cúng dường. Kẻ tăng người tục nhóm họp thưa hỏi Phật pháp. Sư vốn có hoài bão lớn lao, giữ chí thuần trọng. Với các hàng vương công cao quý, Sư chẳng hề đến nghinh hầu.

Đến niên hiệu Phổ Thông thứ năm (524) thời Nam Lương, Sư thị tịch, thọ tám mươi sáu tuổi, an táng tại phía bắc núi Chung Sơn. Đệ tử Sư là Sa-môn Trí Ngung dựng bia bên cạnh tháp mộ Sư, Ngự sử Trung

Thừa Ngô Quân Lục ... soạn lời văn.

3- Truyện ngài Thích Đạo Trân ở Lô Sơn thuộc Giang Châu:

Thích Đạo Trân, không rõ Sư là người xứ nào. Đầu thời Nam Lương (502) Sư trụ ở Lô Sơn, thường hành trì Quán tưởng Đức Phật A-di-đà. Một ngày thấy có người chèo thuyền đi giữa biển lớn, bảo là “đi đến cõi nước Phật A-di-đà!” Sư muốn cùng đi theo, người trên thuyền bảo rằng: “Sư chưa tạo nghiệp Tịnh độ, phải xây dựng phòng, tắm, tụng kinh A-di-đà”. Khi tỉnh giấc, Sư bèn thực hành y theo giấc mộng. Trải qua nhiều năm tháng thì cái ao nhỏ trong phòng có giáng một cái đài bằng bạc trắng. Người đương thời không biết, riêng mình Sư ghi lại sự việc ấy cất dưới đáy hòm kinh. Và đến lúc Sư thị tịch, ngay đêm đó, từ lưng chừng núi trở lên như có xếp bày mấy ngàn ngọn đuốc. Mọi người ở thôn gần trông thấy cho đó là các Vương Hầu thăm lễ, sáng sớm lên núi tìm xem mới biết là Sư thị tịch. Và cho là điềm lành mình cảm ngoài ứng. Sau đó, nhân tìm kiếm trong kinh mới biết về Bản Sự vãng sinh của Sư, bèn ghi lại để chỉ dạy cho hàng hậu học.

Bấy giờ, trên đỉnh núi ấy có một ngôi chùa, có Thiền Sư Pháp Quy, vốn ở Hán Âm thuộc Tương Dương. Sau khi xuất gia, Sư chuyên tu định tĩnh, cảm mộng có vị Thần đến thỉnh Sư bèn đến Lô Sơn đi khắp các chốn, bỗng nhiên tỉnh giấc. Sư bèn theo như giấc mộng mà tìm đến. Nhưng vì Lô Sơn từ khi mới sinh đến giờ, Sư chưa từng đến. Tới lúc sang đó, thấy cây đá chùa tháp giống như trong mộng, Sư mới biết là Thần ở Lô Sơn đến thỉnh, Sư bèn y cứ ở đó xây dựng am thất, sớm tối tiếp nối đại nghiệp. Và Sư thị tịch tại phòng nhà ở núi ấy!

Bấy giờ, lại có Thiền sư Tuệ Cảnh là bậc thanh tịnh cao vời xuất chúng, chẳng sánh vai với Đạo tục, riêng mình ngài tu hành ở chốn núi rừng, lấy thiền tuệ làm chính. Sau khi Sư thị tịch lại bị co quắp hai ngón tay. Có người vuốt ra thì tay duỗi nhưng rồi lại co quắp như trước, cho nên trong truyện ghi là Sư đã chứng đắc Nhị quả. Ngay buổi sáng Sư thị tịch, các cây thông trên đỉnh núi đều mưa Cam Lộ. Nên nay gọi là đỉnh Cam lộ. Lúc bình sinh, Sư thường cảm có hai chim cứ đứng giờ thì đến xin ăn, đến khi Sư thị tịch thì dứt bật dấu vết tại núi đó, ba đức ấy lan tỏa cả triều đại Nam Lương, mỗi cây đều khắc sơn, đều có khắc ghi công lao.

4- Truyện Thiền Sư Phật Đà - người xứ Thiên Trúc trụ chùa Thiếu Lâm.

Thiền sư Phât-đà, Hán dịch là Giác giả. Sư vốn là người Thiên - trúc. Chuyên học tĩnh nhiếp, chí nguyện ở Quán phương. Sư kết bạn với sáu người, cùng nhau theo Nghiệp đạo, năm vị tăng kia đều đắc Đạo, chỉ mình Sư không thành đạt gì, bèn siêng năng giữa mài tiết chí như cứu lấy thân áo. Tiến lùi đều lầm lỗi, Sư không biết chỗ đặt để! Bấy giờ, có người bạn đã đắc đạo bảo Sư rằng: “Tu Đạo nhờ vào cơ, tới thời thì thành tựu, chẳng thể trong phút chốc mà luống chết uổng. Ông nên sớm tối đặc biệt vì duyên riêng, độ hai người đệ tử rất có lợi ích lớn!” Nhân nghe theo đó, Sư liền đến khắp các nước, bèn đến Hằng An thuộc xứ Bắc Đài đất Ngụy.

Bấy giờ, ngài gặp được Hiếu Văn Kính Long Thành đến riêng xây dựng thiền lâm, đục đá làm khám, nhóm chúng cùng tu định niệm. Nước nhà cúng dường cung cấp, thêm Thừa các bộ khác, nhưng Sư hiện bày ngậm ứng hiển trước đều khác lạ, chẳng phải người thường. Trong thành Hằng An có nhà Họ Khương, cửa cải giàu có trăm muôn, rất kính trọng Phât Pháp, nên vì Sư mà tạo lập Biệt Viện. Sư thường ở trong thất tự tĩnh lắng vâng hành đạo nghiệp. Có đứa trẻ trông thấy qua khe cửa có lửa cháy rực rỡ, sợ hãi báo với Viện Chủ, cả chùa cùng kéo đến nhưng đều chẳng thấy gì. Sư có sự ứng thông điềm huyền như thế, những người thấy việc đó về kể lại trong chúng, các vị thức giả suy nghiệm cho là Sư đắc Đạo. Sau, Vua nhà Tùy dời về phía Nam, đóng đô ở đất Lạc. Nhà vua lại thiết lập Tĩnh Viện, ban sắc cho Sư trụ ở đó. Nhưng tánh Sư ưa thích chốn sâu vắng, nương gá nơi núi hang. Sư thường đến Tung sơn cao xa, cách biệt người đời. Vua bèn ban sắc sai người đến núi Thiếu Thất vì ngài mà xây dựng chùa, nay là chùa Thiếu Lâm, vua để Sư trụ ở đó. Những người học pháp tức tâm ở khắp bốn biển nghe Đạo phong của Sư đều nhóm họp đồ chúng thường đông đến mấy trăm vị, thường thực hành thời khóa xuất yếu, thành sự cứu giúp cùng cực. Thỉnh thoảng Sư bảo chúng rằng: “Tinh xá Thiếu Lâm này có Linh thần Kỳ hộ vệ riêng”, sau khi tạo lập không bao giờ bị thiếu thốn”. Nhờ đó khiến cho người tạo dựng đầy đủ núi mà kho lẫm chúng tăng thường tràn đầy, từ đó đến nay đã hai trăm năm, tuy đói kém thường xảy ra mà trong chùa vẫn sung túc. Xa so sánh với ngài Phât-đà thì không có truyền lầm.

Bấy giờ, Sư lại vào trong xóm, sắp độ người có duyên. Khi ấy, Sa-môn Tuệ Quang vừa mới mười hai tuổi, đứng trên thành giếng ở đường Thiên môn, lại đập một thanh sắt liền suốt năm trăm thanh khác, mọi người ồn ào đua nhau lấy làm lạ đến xem. Sư thấy vậy chỉ nói: “Đứa bé này rất giỏi làm trò thế gian, Đạo nghiệp cũng sẽ không mờ

tối!” Trong ý Sư muốn dẫn độ, bèn dùng gậy đánh lên đầu, tiếng vang trong suốt. Ngài Tuệ Quang đã giỏi về Thanh Luận, Sư biết đó có khả năng trở thành Pháp khí, bèn hỏi Tuệ Quang rằng: “Ông có muốn xuất gia chăng?” Ngài Tuệ Quang đáp: “Dạ con muốn xuất gia” Ngài bèn độ cho xuất gia. Ngài Tuệ Quang thấu suốt xưa nay, đầy đủ như Biệt truyện.

Ngài lại bảo đệ tử là Sa-môn Đạo Phòng độ sa-môn Tăng Điều, chỉ dạy cho giáo nghĩa Định Nghiệp. Từ đó hành hóa đến khắp Đông Hạ, chỉ có hai vị Hiền giả này là được ghi chép. Tuổi tác đến lúc già yếu, Sư chẳng tham dự việc thường của chư tăng, giao cho các đồ chúng tự cùng nhau sách tấn thành tựu đạo Nghiệp. Còn chính Sư dời ra ngoài chùa ở phòng riêng. Cảm có vị Thiện thần thường theo che chở như hình với bóng. Sư cũng bảo thiết bày vật thực để cúng dường. Về sau, lúc sắp thị tịch, Sư đưa tay họa vẽ Tôn tượng thần nơi vách tường cửa phòng. Đến nay vẫn còn.

5- Truyện ngài Bồ-Đề-Đạt-Ma người Nam Thiên Trúc ở Nghiệp Hạ:

Bồ-Đề-Đạt-Ma, thuộc chủng tộc Bà-la-môn, người Nam Thiên Trúc. Sư vốn có thần tuệ sáng suốt, nghe đều hiểu ngộ. Chí hướng Đại thừa, tâm thần rộng lắng, thông hiểu huyền vi, thấu suốt pháp số, định học cao vời. Ngài buồn thương ở xứ này là vùng ven góc (Biên địa) nên đem giáo pháp đến truyền bá dẫn dắt. Ban đầu, Sư đến đất Tống đi về hướng Nam, sau cùng lại đi về hướng Bắc đến đất Ngụy. Hễ dừng chỗ nào Sư cũng đem pháp thiên ra dạy bảo. Bấy giờ, khắp cả nước đang hưng thịnh việc truyền bá giảng dạy, chợt nghe Định pháp nên phần nhiều sinh hiềm nghi phỉ báng!

Có hai vị Sa-môn Đạo Dục và Tuệ Khả, tuổi tuy nhỏ mà chí khí bén nhạy cao xa. Lúc mới gặp Phật Pháp, đã biết Đạo có chỗ trở về, bèn theo gần gũi phụng thờ Sư. Trải qua bốn, năm năm cúng dường thưa hỏi. Sư cảm sự tinh thần của hai Sa-môn ấy nên mà dạy Chân Pháp: “An tâm như thế, đó là Bích Quán (xoay mặt vào vách quán chiếu). Phát hạnh như thế, là gồm có bốn pháp như sau, thuận vật như thế, tức dạy cách giữ gìn đừng hiềm tặc. Phương tiện như thế, tức là dạy chẳng nên chấp trước. Nhưng, vào Đạo có nhiều đường, cốt yếu chỉ có hai lối, tức Lý và Hạnh. Nhờ giáo mà tỏ ngộ Tông, tin sâu rằng tất cả chúng sinh đồng một thể tánh, chỉ vì khách trần làm chướng ngại, nên khiến bỏ ngụy về chân, nhưng trụ vào Bích quán, không ta không vật, phàm

thánh bình đẳng như một. An trú vững chắc không dời đổi thì chẳng rơi vào Tha giáo, thâm hợp với đạo, vắng lặng vô vi, gọi đó là Lý nhập.

Hạnh nhập tức gồm bốn hạnh mà gồm nhiếp cả muôn hạnh. Một là hạnh Báo oán, nghĩa là người tu Đạo khi khổ đến nên nhớ nghĩ kiếp trước bỏ gốc theo ngọn, tạo ra lăm thứ thù ghét. Đời nay tuy không phạm, nhưng do ta đã gây ra trước, nên can tâm mà nhận chịu, đều không oán đối. Trong kinh nói: “Gặp khổ không lo buồn, bậc Thức giả phải nên như vậy. Lúc tâm này sinh thì không trái với Đạo, hiểu được oán mà tiến Đạo.” Hai là hạnh Tùy duyên, nghĩa là chúng sinh vốn Vô ngã, khổ vui tùy duyên. Dù cho như được mọi sự vinh hạnh vẻ vang v.v... thì đó là do Nhân ngày trước đã gieo trồng, nay mới được như vậy. đến lúc duyên hết thì trở thành không, đâu có gì vui? Nên được mất tùy duyên, tâm không thêm bớt. Gió nghịch thuận đã ngừng lặng, thì thâm hợp với Pháp. Ba là hạnh Vô sở cầu, nghĩa là người đời mãi mê mờ lâu dài, chỗ nào cũng tham đắm, gọi là Cầu. Bậc Đạo sĩ tỏ ngộ chân pháp, lý trái với Tục. An tâm vô vi, hình theo vận mà chuyển. Ba cõi đều khổ, ai người được an? Trong kinh chép: “Hễ có mong cầu đều khổ, không cầu mới là vui.” Bốn là Hạnh xứng Pháp, tức là lý tánh tịnh.

Sư đem Pháp ấy khai giảng hoằng hóa ở đất Ngụy. Các bậc thức chân theo quy hướng tỏ ngộ, ghi chép lời Sư thành pho quyển truyền bá ở đời. Sư tự nói tuổi đã ngoài một trăm năm mươi. ngài chỉ lấy du hóa làm việc chính. Không biết về sau, Sư tịch ở đâu.

6- Truyện ngài Thích Tăng Khả ở Nghiệp Trung, thời Bắc Tề:

Thích Tăng Khả, ngài gọi là Tuệ Khả. Sư họ Cơ, người xứ Hồ Lao. Sư ngoài đọc xem các sách, trong thông hiểu Tạng điển. Cuối cùng nghĩ nhớ Đạo ấy, kinh liền lặng lẽ xét xem, bấy giờ Sư mền chuộng Sư đơn độc soi sáng lớn, giải ngộ vượt hơn mọi người. Tuy thành Đạo chẳng phải mới, nhưng chúng sinh quý ở Sư thọ. Một thời khiến trông ngóng đều cùng chẳng đúng, nhưng quyền nói không mưu tính, hiển bày sự hiểu chẳng xa, tự kết cốt lõi ấy, ai có thể buộc ràng?

Năm bốn mươi tuổi, Sư gặp được Sa-môn Bồ-Đề-Đạt-Ma người xứ Thiên Trúc đang đến hoằng hóa ở Tung Lạc. Sư có hoài bão muốn biết Đạo, vừa trông thấy Ngài liền vui mừng, kính thờ làm thầy. Vâng theo Tông Chỉ, theo học sáu năm, tinh chuyên nghiên cứu về Nhất thừa. Lý sự đều dung thông, khổ vui không dính mắc, mà kiến giải chẳng phải phương tiện, trí tuệ vượt ngoài thân tâm. Sư bèn y cứ vào cảnh đào luyện tinh uế, đất dính mới biết, lực dụng vững chắc, chẳng bị duyên

xâm phạm.

Đến lúc Sa-môn Bồ-Đề-Đạt-Ma ngưng hồng hóa ở Lạc Tân thì Sư cũng vui hình ở ven sông, nhớ xưa vui mừng vẻ vang, truyền hịch ở Bang Kỳ, khiến các hàng Đạo tục đến thỉnh cầu, muốn theo bậc thầy khuôn phép. Sư bèn phán chẩn biện tài kỳ đặc, phô bày tâm yếu. Nên được lời khấp thiên hạ, ý chẳng kiến lập. Sách Huyền giở ra xem, chưa hề qua tâm.

Về sau, vào đầu niên hiệu Thiên Bình (534) thời Đông Ngụy, Sư đi về hướng Bắc, đến Tân Nghiệp, mở bày hưng thịnh Bí uyển. Hạng người mắc kẹt nơi Văn, đứng sai lằng xằng. Bấy giờ, có Thiên Sư Đạo Hằng, trước có định học, mở mang ở Nghiệp Hạ. Đồ chúng có ngàn vị. Vì Sư nói pháp tình sự không chỗ nương gá, nên Thiên sư Đạo Hằng cho đó là ma nói, bèn sai người thông minh trong chúng, đến sát hại nơi cửa Sư. Nhưng người ấy đã đến nghe Pháp tự nhiên tâm phục, buồn cảm đầy lòng, không muốn trở về báo lại. Thiên Sư Đạo Hằng lại bảo người đến gọi, người ấy cũng không vâng mạng. Và những người sứ cùng theo kẻ ấy rất đông cũng chẳng chịu trở về. Ngày khác, người ấy gặp Thiên sư Đạo Hằng, Thiên sư Đạo Hằng hỏi: Ta dùng công phu như thế để mở mắt cho Ông, vì sao như thế? Kẻ ấy đáp: “Mất vốn tự chân chánh, bị thầy làm cho trở nên tà vạy”. Thiên Sư Đạo Hằng càng thêm tức giận phỉ báng buồn bực về Sư, bèn dứt lột tiền của cho Tục Phủ giết hại phi lý. Ban đầu không một chút hận, làm cho mấy người đến chết. Đồ chúng Thiên sư Đạo Hằng mừng vui, bèn khiến rõ gốc gác, dứt bỏ học Phù Hoa. Người nhàm báng cầm dao tự nghĩ, mới ngộ một lời Sư giảng nói, vừa mừng vừa sợ, vết biển sạch dấu chân, cạn sâu ở tại đó. Sư mới thông dong thuận tục, có lúc ban trái Thanh Du chọt gá thác ngâm vịnh. Hoặc nhân tình sự lắng phục, Thiên sư Đạo Hằng ôm đốc phân phan hoang phiến. Nêu Chánh Đạo Xa mà khó bày bố, vướng mắc gần mà dễ kết nên. Điều đó có nguyên do, dòng đạo xa lìa Nghiệp vè, chóng bày lạnh ấm. Đạo đã sâu sắc mà lại nhiệm mầu. Nên tiếp nối sau rất không có vẻ vang kế thừa.

Có Cư Sĩ Hưởng là người trốn ẩn sâu nơi rừng núi hoang dã, chỉ ăn cây lá. Vào đầu niên hiệu Thiên Bảo (550) thời Bắc Tề, Đạo vị thâm hợp, gửi thư thăm hỏi Sư rằng: “Ảnh do thân khởi, vang theo tiếng đến. Đùa bỡn với Ảnh thì khổ nhọc thân, không biết Ảnh là của thân, phát ra tiếng mà làm cho dừng vang, chẳng hay tiếng là gốc của vang. Nên mê ngộ chỉ một Đường, Ngu Trí chẳng khác. Không Danh mà tạo ra Danh, nhân danh đó mà đứng sai sinh khởi. Không Lý mà tạo ra lý, nhân lý ấy

mà tranh luận khởi lên. Huyền hóa chẳng chân, ai đúng ai sai? Luống dối chẳng thật, đâu không đâu hữu, cùng biết được không thật có được, mất không thật có mất, chưa kịp vội vàng bàn nói, liền trình bày ý này, tưởng vì đáp lời cho đó!” Sư bèn cầm bút thuật lại ý rằng: “Nói Chân Pháp này đều là như thật, rốt ráo không khác với lý chân thật mẫu nhiệm. Như người vốn không biết ngọc Ma-ni cho đó là ngói sỏi, hoá nhiên tự giác biết là Chân châu. Vô Minh và trí tuệ Bình đẳng không khác, phải biết nuôn Pháp đều Như. Vì thương xót hạng người có hai kiến chấp ấy mà tỏ bày văn từ phô diễn, bút mực ghi chép. Quán thân mình và Phật không khác nhau, đâu cần lại tìm Vô Dư kia?” Sư mở lời nhập lý, chẳng thêm bút mực ghi chú. Thỉnh thoảng có thêm vào, bèn thành Bộ loại. Đây đủ như ở sách khác.

Bấy giờ lại có các Thiên sư Hóa Công, Liệt Công v.v... mỗi vị đều thông suốt chỗ sâu xa, bày nói sự gợi gắm nổi lòng. Nghe các miệng thật, mà người đời chẳng xa, bìa ký ít nghe. Lời nhiệm mẫu chẳng truyền. Đức trong sáng ai rõ, thật đáng đau buồn!

Bấy giờ, có Pháp sư Pháp Lâm ở tại đất Nghiệp, giảng Kinh Thắng-man và soạn thuật Văn Nghĩa. Mỗi lúc giảng, thỉnh chúng nhóm họp, bèn chọn những vị thông hiểu ba Bộ Kinh, có được bảy trăm vị dự nơi Pháp tịch. Đến lúc nhà Bắc Chu phá diệt Phật Pháp, Ngài Pháp Lâm cùng Sư đồng học, cùng hộ trì Kinh tượng. Ban đầu, Thiên sư Bồ-Đề-Đạt-Ma trao Kinh Lăng-già bốn quyển cho Sư mà bảo rằng: “Ta quán xét đất Hán chỉ có kinh này. Nhân giả (tức chỉ ngài Tăng Khả) y cứ mà hành trì sẽ tự được độ đời!” Sư bèn chuyên nương tựa vào Huyền lý, như trình bày ở trước, bị bọn cướp chặt đứt cánh tay, Sư dùng pháp chế ngự tâm, không thấy đau khổ, dùng lửa đốt chỗ bị chặt, hết chảy máu, dùng lụa quấn lại. Và Sư vẫn đi khát thực như trước, không hề báo cho mọi người biết. Sau đó, Ngài Pháp Lâm lại bị bọn cướp chặt cánh tay, đau khổ kêu gào suốt đêm. Sư bèn về chữa trị bằng bó cho và đi khát thực về cho Ngài Pháp Lâm. Ngài Pháp Lâm lấy làm lạ về tay ngài (Tăng Khả) không tự nhiên bèn sinh tâm tức giận. Sư nói: “Bánh ăn ở trước mặt, sao chẳng tự dùng?” Ngài Pháp Lâm nói: “Tôi không có tay, ngài không biết hay sao? Sư nói: Tôi cũng không có tay, đâu có gì đáng tức giận!” Nhân đó, bèn thăm hỏi, mới biết là có Công phu. Nên người đời gọi là “Vô Tý Lâm” (Ngài Pháp Lâm không có tay). Thường khi nói pháp xong, Sư bảo rằng: “Kinh này sau bốn đời sẽ thành Danh tướng, đâu có gì đáng buồn.”

Có Thiên sư Tăng-na, họ Mã. Năm hai mươi một tuổi, Sư ở Đông

Hải Giảng Lễ Dịch, hành học có bốn trăm vị. Ngài đi về hướng Nam đến Tương Châu, gặp Ngài (Tăng Khả) nói pháp, bèn cùng mười vị học sĩ xuất gia thọ đạo. Các môn nhân ở phía Đông Tương Châu thiết trai để từ biệt Sư, tiếng khóc kinh động cả thôn ấp. Từ khi Sư xả bỏ thế tục, tay chẳng nắm lấy bút và sách vở thế tục, chỉ mặc một chiếc y, ăn một bình bát, ngồi một nơi, mỗi ngày chỉ ăn một bữa lấy đó làm thường hạnh, lại kính phụng hạnh Đầu-đà nên hễ những chỗ nào Sư đến đều chẳng tham dự vào thôn xóm.

Lại có Sa-môn Tuệ Mãn, họ Trương, vốn người ở xứ Vinh Dương. Trước kia trụ chùa Long Hóa ở Tương Châu, gặp Thiền sư Tăng-na nói pháp, bèn thọ nhận đạo pháp ấy, chuyên thực hành không đắm trước, chỉ mặc một chiếc y, mỗi ngày ăn một bữa, và giữ gìn hai cái kim. Mùa Đông thì vá áo, mùa hạ thì xả thông để che đậy thân mà thôi. Sư tự nói trọn một đời không hề có khiếp sợ, thân không bị muỗi mòng cắn đốt, ngủ không mộng mỵ. Dừng ở một nơi nào đều không tới hai đêm. Đến chùa thì Sư bỏ củi làm mọi việc, thường thực hành hạnh khát thực.

Niên hiệu Trinh Quán thứ mười sáu (642) thời Tiền Đường, Sư đến cạnh chùa Hội Thiện ở phía Nam Lạc Châu, ngủ qua đêm trong gò mả, gặp lúc tuyết phủ dày ba thước. Sáng sớm đó, Sư vào chùa thấy Pháp Sư Đàm Khoáng, ngài Đàm Khoáng lấy làm lạ chẳng biết Sư từ đâu đến bèn hỏi: “Bạn Đạo đến đó ư?” Bảo tìm chỗ ngồi, khắp bốn phía tuyết phủ dày đến năm thước không thể lường được. Nên thời gian đó, tất cả chư tăng đều lánh ẩn. Sư bèn đắp y, ôm bát đi khắp các xóm làng, không hề vướng mắc, hễ được cúng vật gì thì bèn ban tán, tìm cầu sự hư nhàn. Nếu có người thỉnh Sư ở lại qua đêm chứng trai. Ngài bảo: “Nếu trong thiên hạ không có người, mới nhận sự thỉnh mời ấy.” Nên mỗi lúc giảng pháp, Sư thường bảo: “Chư Phật nói về tâm, để giúp cho tướng tâm là Pháp luống dối. Ngày nay lại thêm của tướng tâm, rất trái với ý Phật. Lại thêm Luận bàn, rất trái với Đại Lý.” Nên Sư cũng như các Thiền Sư Tăng-na v.v... thường mang bốn quyển Kinh Lăng-già, lấy đó làm tâm yếu. Hễ giảng nói điều gì thì thực hành điều đó, không trái với ý di chúc. Về sau, ở xứ Lạc Dương, Sư không bệnh mà an nhiên ngồi thẳng thị tịch, thọ khoảng bảy mươi tuổi.

Các vị trên đây đều thuộc tông hệ của Ngài Tăng Khả, nên chẳng trình bày riêng.

7- Truyện ngài Thích Tăng Đạt trụ chùa Hồng Cốc ở núi Lâm Lự:

Thích Tăng Đạt, họ Lý, người ở xứ Thượng Cốc. Năm mười lăm tuổi, Sư xuất gia, đến học ở Bắc Đại, Sư lấy sự nghe giảng và thực hành làm chính.

Sau khi thọ giới cụ túc, Sư tu học theo Tỳ-ni, tới lui xét nét chẳng phải như thói quen trước. Năm được hai tuổi hạ, Sư rất được vua Hiếu Văn Đế (Thúc Bạt Hoằng 466-471) thời Bắc Ngụy kính trọng, thỉnh Sư vào chùa miếu, mở mang khai giảng Luật Tứ Phần, Hình khí Sư khác thường, ai thấy đều kinh sợ kính thờ. Đầu Sư tọt đầu hổ, tai dài, có hai chiếc răng dài hơn cả tấc. Cơ luận biến ứng thích hợp thể hiện sự cao đẹp. Sư cùng ngài Long Đạt ở Từ Châu, đều đề xứng nghĩa. Sau đó, Sư lại chống tích tượng đến Lạc Đô, nhân gặp được Tam Tạng Pháp sư Lạc-na. Sư bèn kính vâng sự dạy răn mới ấy. Không bao lâu thì Pháp sư Lạc-na thị tịch! Ngài trình bày lại Địa Luận tiếng tăm kinh động, khiến các người trông ngóng quy hướng tin tưởng cùng lần lượt khen ngợi yết kiến. Sau Sư lại nghe Pháp sư Quang khai giảng Địa Luận, phát minh ý chỉ sâu mầu, Sư bèn cầu thọ giới Bồ-tát với Pháp sư.

Vì theo thỉnh nghiệp nên Sư có tên trong học chúng. Sư lại đến Nam Hội Từ Bộ học thông Địa Luận. Đến lúc Vua Võ Đế (Tiêu Diên 502 - 550) thời Nam Lương dẹp loạn, mở mang Đạo Pháp, Sư cảm thấy vui mừng, bèn vượt sông đến nơi cung quyết, xin được diện kiến. Vua sai Quan Phụ Mã là Ân Quân dẫn Sư vào điện Trùng Vân. Suốt ngày suốt đêm, Sư truyền giảng những điều Vua chưa từng nghe, ngồi tại một chỗ suốt bảy ngày đêm. Vua khen ngợi đó là điềm lành. Nhân đó vua theo Sư mà cầu xin thọ giới, thề nguyện làm đệ tử Sư. Và Vua ban sắc mời Sư trụ chùa Đồng Thái, thường dâng lễ phụng cúng. Cứ mỗi tuần, Sư riêng vào điện chỉ bày khai giảng đạo lý cho nhà Vua. Chừng khoảng năm sau, Đạo lý trong tâm vua đã có sở y cứ, Ngài già từ vua trở về đất Ngụy. Qua bảy lần xin về, Vua mới bằng lòng. Bấy giờ, tại Hành Đài thuộc Duyên Châu, Hầu Cảnh vì Sư xây dựng hai ngôi chùa, núi tên Thiên Quán. Vua có chiến ban rằng: “Bậc trượng phu thấu đạt niệm, Thân là khổ khí, khó có thể duy trì. Bèn thử thực hành, ăn bánh bột, không ăn gạo cơm.” Từ đó đến trọn đời, Sư riêng dùng để duy trì mạng sống.

Sau cùng đến thời vua Phế Đế (Nguyên Khâm 552-554) thời Tây Ngụy. Trung Sơn Vương ban sắc cho Bộc Xạ Cao Long đến thỉnh Sư đến Nghiệp Đô, để xin thọ giới Bồ-tát. Vua Văn Tuyên Đế (Cao Dương 550-560) thời bắc Tề đặc biệt lễ trọng, trước sau có đến sáu lượt quy hướng tôn trọng mười điều lành. Nhưng tánh Sư vốn ưa thích ở chốn suối

rừng, sống thanh nhàn giúp nghiệp. Vua Văn Tuyên Đế bèn vì Sư mà đến phía dưới non Hoàng Hoa thuộc núi Lâm Lự xây dựng chùa Hồng Cốc, và dẹp bỏ miếu cũ Thần Võ mà xây chùa Định Khẩu. Lấy hai nơi ấy để thỉnh Sư ở. Mới đầu, Sư đến xây dựng chùa núi, lúc sắp bước vào cửa hang, thì có con hổ ngồi xổm phía trước. Sư bèn nói rằng: “Muốn xây một ngôi chùa, để phước trùm cả cõi u linh, nếu người bằng lòng thì hãy tránh đường!” Sư nói xong, Hổ bèn đứng dậy bỏ đi. Đến lúc xây chùa hoàn tất, an định chúng tăng trông coi mọi việc. Sư về lại Nghiệp Kinh, ban đêm có vị thần hiện đến, thân mặc sắc phục màu vàng đến vái chào rồi quỳ mà thưa rằng: “Đệ tử là vị Thần đội núi. Vua và Tam Cốc đều được cúng dường đầy đủ, xin Sư chớ phải trở về!” Sư bảo: “Ở núi lợi ít, ở Kinh đô lợi nhiều. Bản đạo quán xét cơ duyên mà hành động, mong đừng ngăn cản ở lại!” Lại qua đêm tĩnh lặng, có người đẩy cửa vào tự xưng là: “Đệ tử là vợ của Sơn thần, ban ngày không rảnh rỗi nên giờ này đến tham bái!” Và cung kính dâng cúng một sọt bánh gạo mà nói rằng: “Tăng không thiên vị, lúc lễ Phật xin thêm tên của đệ tử!” Sư bảo: “Bánh gạo hãy mang trở về, sau ta sẽ lễ bái cho!” Nhân đó Sư bảo thực hành chung, mỗi lúc lễ bái đều xưng thêm tên. Sư cảm được cõi u minh đại loại như vậy.

Sư bảo đệ tử là Sa-môn Đạo Sáng vì thần núi mà đọc tụng Kinh Kim Quang Minh. Được hơn một tháng thì có hổ đến bắt chó đi. Sư nghe thế bàn hỏi rằng: “Đây chắc là do chú Đạo nhỏ này biếng nhác, chẳng vì Đàn Việt đọc tụng Kinh”. Liền hỏi đó, quả nhiên Đạo Sáng nói là ba ngày nay chỉ tụng Kinh Duy-ma”. Sư bèn đốt hương lễ Phật và bạch rằng: “Mấy hôm qua tuy tụng kinh khác, nhưng phước đó cũng thuộc về Đàn Việt, nếu có linh xét thì nên thả chó trở về.” Đến sáng ngày, chó trở về, thấy trên đầu nó có dấu răng cắn. Đây lại là tiếp gồm thần minh, gần như không thể lường!

Sư giảng các Kinh Hoa Nghiêm, luật Tứ Phần, Kinh Thập Địa, Luận Địa Trì, tuy không có sơ ký nhưng giảng nói có y cứ. Đặc biệt Sư giỏi về luận nghị, nổi tiếng khắp Nam Bắc, cánh cửa Thiền pháp khai mở cho đời rất rộng.

Sư từng đến đất Lương, Hoà-thượng Chí Công gặp Sư liền nói rằng: “Thiền Sư Đạt là người có Phước Đức lớn, vua cũng rất kính trọng, từng bảo với các quan hầu là “Ở phương Bắc có Pháp sư Loan và Thiền sư Đạt là các vị Bồ-tát nhục thân”, nên vua thường hưởng về phương Bắc từ xa lễ bái”. Sư được các bậc Quân vương đương thời kính trọng, không có ai hơn. Đến một lúc, Sư cảm thấy bị bệnh nhẹ, bèn an

nhiên ngồi thẳng trên giường dây, miệng niệm tụng Kinh Bát-nhã, hình khí điều hòa yên tĩnh. Sư thị tịch tại chùa Hồng Cốc, thọ tám mươi hai tuổi. Lúc đó là ngày mồng bảy tháng sáu niên hiệu Thiên Bảo thứ bảy (556) thời Bắc Tề.

Vua Tuyên Đế nghe vậy, kinh hãi vội vã đến nơi, lớn tiếng khóc gào, cả sáu quân đồng khóc vang động khắp núi rừng. Sau đó, an táng Sư dưới sườn núi trong hang, lập bia ở sau.

Vào niên hiệu Trinh Quán thứ chín (636) thời Tiền Đường. Tôi (Đạo Tuyên) đích thân đến đó lễ yết. Di cốt Sư vẫn hiện còn, Di tích ngôi chùa vẫn y nhiên!

Từ khi Sư kính tâm đối với Huyền đạo, thì tâm không xen hở. Với người có sự hiểu biết thì đồng gần gũi, đều không hiềm khích. Nhân trước có sự chiêu cảm riêng nên càng thêm kính thờ, chỗ Vinh hiển cao sang càng khiêm tốn từ chối. Phật Pháp thời Mạt ưa chuộng Quan tước vinh hiển, những kẻ kiêu hãnh vọng kết bè đảng ngưng Sư vì nước đều xem là nhỏ mọn, không hề đoái hoài. Với các nơi Chiêu Huyền Tào Cục, Sư chẳng hề bước đến. Đó mới là chỗ xem thường của các bậc Thánh đạt. Thật là tướng tốt của Phước thế gian.

8- Truyện ngài Thích Tăng Điều trụ chùa Vân Môn ở Long Sơn:

Thích Tăng Điều, họ Tôn, vốn xuất xứ từ Xương Lê, sau cùng đến ở Anh Đào thuộc Cự lộc. Tánh tình Sư Độ lượng thuần hòa, hiếu hạnh tín tâm nổi tiếng, siêng năng tìm học sách thế tục, thông rành các thứ kinh sử. Được cử làm Thái Học Bác Sĩ. Sư giảng giải sách đời tiếng tăm vang khắp triều đình. Sư ở tại miếu Nghi Lang, ở Quốc Vũ thuộc Khí Quán, Cơ Đạo ngầm thấu, bỗng nhiên nhằm chán phiền toái thế gian. Chỉ một lần đọc qua kinh Phật tự nhiên Thần giải. Bấy giờ, Sư hai mươi tám tuổi, đi đến chỗ Pháp Sư Tăng Thật chùa Cảnh Minh ở Cự Lộc xin xuất gia. Vừa mới xuống tóc, Sư liền tìm kinh luận, vừa buồn vừa vui, thần thức mạnh mẽ. Nhân đó, Sư phát năm lời nguyện, gọi là Tài Pháp thông biện và dùng bốn Đại thường kính thờ Tam Bảo, rộng tạo Phước báo đền đáp bốn ân.

Mới đầu, Sư học hành trì Chỉ Quán với Thiền Sư Đạo Phòng. Ngài Đạo Phòng là đệ tử giỏi của Sa-môn Bạt-đà. Sư đã thọ thiền pháp, bèn đi về hướng Bắc đến núi Gia Ngư ở Định Châu, thúc liễm niệm lự thời gian lâu mà hoàn toàn không nhiếp chứng, Sư muốn xuống núi, tụng Kinh Niết-bàn. Bỗng nhiên gặp một vị tăng nói từ Thái Nhạc đến, Sư bèn tỏ bày sự tình, vị tăng ấy tha thiết khuyên Sư “Tu tập thiền pháp

phải thận trọng, không có chí khác. Vì tất cả chúng sinh đều có Thiên vị Sơ Địa, cần phải buộc duyên, không cầu thì chẳng toại!” Ý Sư bèn y theo pháp đó, khoảng mười ngày nhiếp tâm, quả nhiên đắc Định.” Sư thường y theo Thánh hạnh bốn Pháp niệm xứ trong Kinh Niết-bàn. Đến nỗi ngủ hay thức thấy đều không có Dục tưởng.

Năm được năm hạ, Sư lại đến chỗ Thiên sư Đạo Minh núi Chương Hồng thuộc Triệu Châu, thọ học mười sáu pháp đặc thắng. Dùi mài chứa nhóm, tiết chế ăn uống rèn tâm, suốt ba tháng mỗi ngày ăn một bữa, gạo chỉ bốn đấu. Trái phụ cụ trên đá chẳng hay biết sớm tối, vãi bố dính vào thân, kéo cũng chẳng thoát ra. Hoặc nấu thức ăn chưa chín thì nhiếp tâm nhập Định, lay động chẳng để lọt khoảnh khắc. Trước khi ăn Sư đều ban thí cho chim thú ăn. Lại thường tu pháp “Tử tưởng” (Quán chiếu sự chết). Gặp bọn cướp làm cho hãi mà Sư không tỏ vẻ lo sợ, bèn giảng cho bọn cướp nghe các thứ nghiệp hạnh. Bọn cướp đều bẻ bỏ cung tên, thọ giới và trở về. Sư từng ở tại núi Thước sơn nơi tĩnh lặng, bị vị thần đến khuấy nhiễu, ôm vai cột bụng hà hơi trên cổ. Sư đem sự chết buộc tâm, nhờ đó mà chứng định sâu, suốt chín ngày chưa xả. Sau đó, Sư xuất định, tình tưởng đều lắng nhiên. Sư xét cùng thế gian hoàn toàn không hề có sự an vui. Sư bèn đến chùa Thiếu Lâm chỗ Tổ sư Tam Tạng trình bày sở chứng của mình. Ngài Bạt-đà bảo rằng: “Từ Thông lãnh cho đến phương Đông này, người tài giỏi nhất về thiền học chỉ có một mình ông!” Và bèn truyền cho Sư các pháp thâm yếu, sau Sư đến trụ chùa Trung Nhạc.

Tại chùa đó, Chúng tăng có cả trăm Vị, nước suối chỉ đủ dùng. Bỗng nhiên có một người Phụ nữ mặc áo rách rưới tay cầm chổi đến ngồi trên bậc thềm phía trước lắng nghe chư tăng tụng kinh. Chúng Tăng không biết đó là vị Thần, nên trách mắng đuổi đi, người phụ nữ ấy tỏ vẻ tức giận đưa chân đạp suối, lập tức nước khô cạn hết, sau đó người phụ nữ biến mất. Chúng tăng trình lên Sư sự việc ấy, Sư gọi: “Ưu-bà-di!” Gọi đến ba lần người phụ nữ mới hiện ra. Sư bèn nói với vị Thần rằng: “Chúng tăng hành Đạo, nên gia tâm mà ủng hộ chứ!” Người phụ nữ ấy lại dùng chân đạp phá chỗ suối cũ, nước liền tuôn trào. Bấy giờ, mọi người đều lấy làm lạ. Sư có oai cảm như thế.

Sau, Sư lại đến núi Tây Vương Ốc ở Hoài Châu, tu tập pháp trước. Nghe hai con hổ giao đấu gầm thét vang động cả hang núi. Sư bèn chống Tích trượng giữa hai con để giải can, mỗi con tự bỏ đi. Có một lúc bỗng nhiên có hai quyển kinh tiên đặt trên giường. Sư nói: “Ta vốn tu theo Phật đạo, đâu thể câu thúc trong cõi vực trường sinh ấy ư?” Nói

xong, chỉ trong phút chốc hai quyển kinh tự biến mất. Sư cảm động đến u hiển đều đại loại như vậy. Sư lại dời đến trụ núi Thanh La, nhận sự cúng dường của những người mắc bệnh dịch lệ, tình chẳng sợ dơ uest, cam chịu như thuốc tể. Sư ngồi lâu mệt mỏi, bèn duỗi cẳng chân trước giường thì có vị thần liền đến nâng đỡ lên, trở lại ngồi kiết già. Nhân đó, Sư thường nhập định, và thường lấy bảy ngày làm kỳ hạn.

Sau đó, Sư lại dời đến trụ núi Mã Đầu ở Hoài Châu. Vua Hiếu Minh Đế (Nguyên Hủ 516 - 528) thời Bắc Ngụy, sớm vâng thừa lệnh Đức, trước sau đến thỉnh ba lần, Sư bèn từ chối rằng: “Khắp cõi đời, không đâu chẳng phải là đất của Vua, xin nguyện được ở tại núi để hành đạo, chẳng trái với đại thông!” Vua bèn chấp thuận, bèn dâng cúng đến núi. Đến niên hiệu Vĩnh Hy thứ nhất (532) thời Bắc Ngụy. Vua Hiếu Vũ Đế (Nguyên Tu) đã thỉnh nhưng Sư không ra, nên trong cốc Thượng Thư, vua cũng lập thiền thất, nhóm họp chúng tăng để cúng dường. Sư lại dời chuyển đến Thường sơn ở phía Bắc. Thứ Sử Lô Duệ ở Định Châu, Vương Cao Du ở Bành Thành v.v... thỉnh Sư đến núi Đại Minh ở Văn Mặc, mở khai quy giới, mọi người kính tin rất đông. Khắp các xứ Yên, Triệu, Đạo vị lan khắp, không còn ăn dùng máu huyết. Chúng bạn đua nhau tìm đến lễ kính đông đúc. Bấy giờ, có người bị danh lợi ràng buộc, Sư bèn nói cho nghe Kệ tụng để dứt trừ, người nghe tỏ vẻ hổ thẹn mà sửa đổi. Tiện đó, Sư lại trình bày cho bài kệ tu điều lành, mọi người cùng dự tham hành trì pháp tức tâm, đổi mới khí tiết của họ. Sư đã giảng bày Đạo giữa núi ở đời, tiếng tăm vang vọng động đến lòng trời.

Niên hiệu Thiên Bảo thứ hai (551) thời Bắc Tề. Vua Văn Tuyên Đế (Cao Dương) ban chiếu rằng: “Từ lâu nghe được Phong đức của Sư, thường mong muốn gặp, ban sắc cho Định Châu thỉnh Sư đến đất Nghiệp để giáo hóa chúng sinh, nghĩa không làm làm lợi cho mình, mong Sư liền chống tích trượng đến Thừa minh, định mở mang chí Đạo cứu giúp khổ hoại!” Đến ngày ấy, bỗng nhiên Sư trở về núi. Đang làm mọi việc khắp Đông tây, nhưng không hề bị lưu giữ trói buộc. Sư ở núi đã nhiều năm, sự nghiệp cứu giúp trọn một đời, nghe có sắc chiếu mời thỉnh, Sư nhất quyết không vâng mạng. Vua tha thiết cùng đôn đốc dẫn dụ, Sư mới nhận thỉnh. Ngay ngày Sư rũ áo sắp xuống núi, hai núi bỗng nhiên rung chuyển, tiếng vang buồn thương thảm thiết, kinh nhiễu cả người và vật, chim bay thú chạy, như thế suốt ba ngày. Sư ngoái nhìn lại bảo rằng: “Kính mến Đạo, có lòng nhân, xúc chạm đến các loài ở đây. Đâu chẳng phải ái tình dễ giữ, bông lung khó giữ ư?” Sư chẳng ước sự bèn

dừng trụ ở Chương Phủ. Vua cử Đại giá đến Bang Giao đón rước Sư. Lúc ấy, tuổi Sư đã ngoài bảy mươi, nhưng dáng vẻ thanh khoáng, cảm động cả lòng người, kính thương chúng sinh, nường cơ không sai lạc. Vua dìu đỡ Sư vào Nội cung để luận bàn chánh lý. Nhân đó Sư giảng về “Ba cõi vốn không, cõi nước cũng vậy. Tướng thế gian vinh hoa không thể giữ mãi.” Và Sư giảng rộng về bốn Pháp niệm xứ. vua nghe đó mà khắp mình nổi ốc, mồ hôi toát đổ, liền thọ Thiên đạo. Học khắp chẳng bao lâu đã chứng định sâu. Từ đó về sau, càng vâng theo lời dạy bảo, dốc lòng kính trọng. Nhân đó thọ giới Bồ-tát, dứt bật ăn uống rượu thịt, phóng thả các loài chim sấn, dẹp bỏ các vị quan đam mê săn bắn chài lưới, kết thành đất nước nhân từ. Lại cấm đoán khắp trong nước dứt hẳn các nghề nghiệp giết hại. Ngày mồng ba tháng sáu, Vua ban sắc cho dân chúng hành trì trai giới. Vườn riêng của các quan trồng hành hẹ v.v... thấy đều phá bỏ. Qua ngày khác, vua lại bảo rằng: “Đạo do người mở mang, thật chẳng luống dối ứng nghiệm. Xin Sư an tâm đạo niệm, đệ tử xin làm ngoại hộ Đàn Việt, có được chăng? Sư bảo: “Bồ-tát phát thệ nguyện rộng lớn, lấy việc Hộ Pháp làm tâm. Bệ hạ ứng mạng trời, thuận đời, ở ngôi chủ chốt mở Đạo giáo hóa. Làm rường cột cho Tam Bảo, dẫn dắt bốn dân!”. Cứu giúp đã đến, nghĩa không nường cậy. Sư trụ trong cung cấm hơn bốn mươi ngày. Thường ngày nói pháp giảng dạy, vua rất kính vâng, không chấp trái. Sau, vì Đạo phải truyền bá, nghĩ nhớ về núi rừng, Sư bèn từ giả trở về chỗ ở cũ.

Nhà vua vì chốn núi non trở lại của Sư, mỗi lúc tham yết học hỏi gặp phải khó khăn, nên vào niên hiệu Thiên Bảo thứ ba (552) thời Bắc Tề. Vua ban sắc đến phía Nam Long Sơn cách tám mươi dặm về phía Tây Nam Nghiệp Thành xây dựng Tinh xá đặt tên là chùa Vân Môn, thỉnh Sư về ở đó, và kiêm làm chủ ngôi chùa lớn Thạch Quật. Sư đảm nhận giềng mối cả hai nơi, đào luyện đồ chúng gần cả ngàn vị. Cung cấp cúng dường mọi việc đầy đủ, khắp các hang núi, đồng thời ban sắc khắp cho các châu quận trong nước, lập riêng Thiên tử, bảo ban những bậc Đạt giải niệm tuệ đến để giảng dạy. Bảy giờ, mở mang giảng tụng mọi việc dồi dào. Vua nói với Sư rằng: “Đại tông của Phật Pháp, lấy sự tinh tâm làm gốc. Các vị Pháp sư v.v... nhọc truyền pháp giáo hóa, vẫn tiếp thừa ồn ào phiến tạp, chưa thể gọi là mở mang, nên thấy đều phá dẹp hết.” Sư cản ngăn vua rằng: “Các vị Pháp sư đều là những người tiếp nối làm lớn mạnh bốn y, mở mang ba tạng, khiến mọi người nhận biết được Tà Chánh, thấu đạt được u vi. Nếu không có những người ấy, thì lấy đâu để mở mang dẫn dắt, đều là sơ tông của Thiên nghiệp.

Hoàng giáo của thú lý, dần dần quy tín, khai mở chỗ mờ tối cho người ấy!” Vua rất vui mừng. Nhân đó nói: “Nay chia Quốc trữ làm ba phần, gồm cung cấp nước nhà, tự dùng và dùng vào việc Tam Bảo”. Từ đó, vua hết lòng quy hướng, xưa nay không ai bằng. Phật Pháp truyền bá về phương Đông, vào thời này rất hưng thịnh. Đây đủ như trong Biệt ký. Vua Ban sắc bảo đưa tiền bạc, lụa là chăn màn, tiếp theo trục xe Sư lên núi, bảo đến trong chùa xếp đặt kho tích trữ để cung cấp thường dùng. Sư lấy Phật Pháp làm việc chánh yếu, chí nguyện tu tâm. Tài vật danh lợi xao động lòng tục, việc trái với Đạo hóa, bèn gởi thư trả lại. Vua rất kính trọng tâm lượng của Sư, ban sắc y theo trước mà thâm nạp, riêng xếp đặt kho lẫm khác, phải tiện thời y theo cung cấp. Chưa qua Vương Phủ, từ đó về sau chiếu thư viết tay hàng tháng riêng thường đưa đến, thước tắc tiểu duyên hẳn bày tỏ nói đến. Vua lại ban sắc cho quan Thị ngự Từ Chi Tài, Thôi Tư Hòa v.v... đưa các thứ thuốc, bánh bột, coi sóc chư tăng bệnh khổ. Vua thường đúc suốt Vũ vệ ấy cho nên đến thăm hầu. Sư ở nơi phòng nhỏ an tọa, đều chẳng đón rước. Đệ tử cản ngăn Sư rằng: Hoàng Đế thân lâm, nay căn cứ đạo chẳng đón rước, tâm mọi người hoặc có trở ngại!”. Sư bảo: “Xưa kia, ngài Tân-Đầu-Lưu đón rước Vua đi bảy bước, bảy năm sau thì mất nước. Nay ta chẳng có thật thật Đức, chẳng dám tự khinh, hình tướng mong được Phước đối với nhà Vua”. Bấy giờ, Ngài cũng khéo léo cẩn trọng, Đạo Pháp được niềm tin ở người. Hoàng Môn Thị Lang Lý Tương cùng các vị Đại Đức thỉnh Sư giảng dạy Thiền yếu. Nhân đó, Sư soạn “Chỉ Quán Pháp” hai quyển. Khách nhà đượm đạo vị Định pháp cất giữ một bản để y cứ.

Đến ngày mười ba tháng bốn niên hiệu Càn Minh thứ nhất (560) thời Bắc Tề, vào lúc sáng sớm, Sư không hề tật bệnh gì, an nhiên ngồi thẳng thị tịch tại chùa, thọ tám mươi mốt tuổi, năm mươi hạ lạp. Ngay lúc Sư thị tịch, có mùi thơm lạ xông khắp chùa, người nghe lắng thần. Vua Phế Đế (Cao Ân) ban sắc bảo Tương Lạc Vương tuyên đọc lời an ủi rằng: “Cố Đại Thiên Sư Chí lực siêng năng khổ tiết, cảm quả hẳn là tất nhiên. Gá tâm vắng lặng, hư rỗng lại, chất thật trở đi. Gió nghiệp nhiệm mầu, sự cao nơi Tăng tục. Vận qua đi, Thần đổi đời, thật rất buồn than! Vốn kính sùng có tốt lành, để bày tỏ sự thương xót, cúng thí năm trăm vật, thỉnh ngàn vị tăng cúng dường tại chùa Vân Môn để sùng kính tu Phước!”

Đến tháng năm niên hiệu Hoàng Kiến thứ hai (561) thời Bắc Tề, các đệ tử của Sư như Sa-môn Đàm Tuân, v.v... tấu trình xin xây tháp. Vua Hiếu Chiêu Đế (Cao Diễn) ban sắc chiếu rằng: “Cố Đại Thiên Sư

đức nghiệp cao xa, là rường cột của Tam Bảo, diệt tận Hóa Chung, thần thức vân du ngoài vật, nên y theo Pháp Trung Quốc, Xà-tỳ rồi xây tháp. Kiến lập trai hội cúng dường ngàn vị Tăng. Tặng một ngàn vật, nêu dựng dấu vết tốt lành, để chỉ bày cho các đời sau!” Vua lại ban sắc cho Hữu Bộc Xạ Ngụy Thâu soạn Văn Bia. Sư được các bậc Quân Vương thời bấy giờ kính trọng, trước sau đều như thế. Thế rồi, Định ngày chuẩn sắc, cả bốn Bộ đồng lên núi có mấy muôn người, chất cả ngàn cây củi hương thơm, vào giữa trưa ngày chánh, nổi lửa thiêu, không ai chẳng đau buồn đứt đoạn, tiếng khóc như dòng chảy, có đàn chim trắng mấy trăm con bồi hồi bay liệng trên khói, kêu buồn tha thiết, lúc di quan mới bay đi. Bèn xây tháp gạch ở phía Tây Bắc của chùa để cúng dường. Thường có cảnh linh, mùi thơm lạ thoảng ứng đến kẻ tặng người tục.

Mới đầu, Sư kính tin xuất gian, biết khác Tề ngụy, khắc chí với thiên nghiệp, thông suốt trần sau, mà dẫm khắp Thái hành, qua lại trong Triều ngoài dã, kêu gọi nhún nhường ôm lòng trong trắng hay quạt thổi gió trong lành. Lại thêm oai phong lấn vượt bọn giặc, thế lực rập lấy yêu quái ở chốn núi rừng, mở giải hồ gươm giao đấu nhau, cấm ngăn nuôi dưỡng sâu độc. Các bậc Đại Nho Hoàng Đế đích thân mang đến lương thực, lữ khách sẵn sẵn cầm dao cắt tóc. Hoặc đức cảm thượng huyền đơm nhuần mầm mống vâng kính, u thành cùng tốt, lúa thóc đầy nhà tín tâm. Thần cây cảnh đường, tùy ý muốn mà Pháp truyền bá, Báo gấm sạch phòng, ngâm xú uest mà xa bỏ. Hoặc hổ dữ thuần quen, ngay lưng rừ y, núi đồi sắp sụp đổ, vời gọi ra mà vẫn còn mạng. Các điềm lành như thế chấn động từ xưa, ít có đầy đủ, như các tượng họa đồ ghi tại chùa Vân Môn.

Lại nữa, mới đầu, Vua ban sắc nơi xây chùa vuông vức 10 dặm để các kẻ sĩ tức tâm hỏi Đạo kinh hành. Sư nói “Mười dặm quá rộng lớn, hao tổn chướng ngại người dân sinh sống, sợ chẳng cứu giúp được xa, xin giảm bớt một nửa”. Vua bèn ban sắc lấy năm dặm vuông làm chuẩn định. Vua sai tướng làm Đại tượng Kỳ Bá ung bắt đầu xây dựng. Kỳ Bá Ung nhóm họp các thông ấp, hỏi tên xứ đó. Bỗng nhiên nghe giữa hư không có tiếng lớn đáp rằng: “Núi rừng sâu lắng, xứ này vốn gọi là Vân Môn!” Hỏi lại nguyên do, không hề có người nào biết. Vua nghe lạ lùng như thế, nên theo tiếng vang giữa hư không, và nay gọi đó là chùa Quang nghiêm.

Lại có vị khách tặng chống tích tượng mới đến, cùng muốn an ở, hỏi về Bốn hạ vị ấy. Vị ấy đáp rằng: “Tôi thấy trong đây có ba nơi xây dựng chùa.” Nói xong liền biến mất. Thế rồi đào đất làm giếng, quả

nhiên có được hai mếp miệng chim cú mèo. Lại, ở trước hang trụ thiên có một vực sâu, thấy người đẩy lông, kỳ vĩ mà dáng vẻ như người Hồ. Bèn đặt chảo thiêu đốt lửa, nước cùng tuôn vọt lên, chỉ chốc lát có con trăn lớn từ trong nước trườn lên muốn bò vào trong chảo, Sư đưa chân đánh phá đó, con trăn bèn vào lại trong nước và lông người cũng biến mất. Đêm đó có Thần Nam Tử đến, đánh lễ Sư và thưa rằng: “Đệ tử có các con nhỏ, thường năm bị ác thần bắt ăn, các đứa con v.v... tiếc thân mạng không dám đương đầu, nay đệ tử già suy sắp chết, nên tự đến cung cấp cho ác thần ăn, nhờ Sư hộ trì nên được thoát khỏi nạn ấy. Sư xin nước phun vào đó, tự nhiên biến thành mây mốc.

Bấy giờ, có người sàm tấu với Vua Văn Tuyên Đế cho Sư là người ngạo mạn bất kính. Vua rất tức giận, tự đến để làm hại Sư, Sư thâm nhận biết việc ấy. Từ hồi nào đến giờ, Sư chưa hề đến nhà trụ của chúng tăng, bỗng nhiên Sư đến bảo rằng: “Sáng mai có khách lớn đến, hay lo làm nhiều thức ăn để thiết cúng!”. Đêm đó vào canh năm, trước chuẩn bị kiệu xe trâu, riêng mình Sư đến cửa hang cách chùa hơn hai mươi dặm. Sư đứng một mình bên vệ đường, chỉ phút chốc thì Vua đến. Vua lấy làm lạ hỏi Sư về nguyên do. Sư đáp: “Sợ thân vậy máu huyết làm dơ bẩn chốn già-lam, nên đến đây đợi hầu!”. Vua liền xuống ngựa bái phục, hổ thẹn sám hối không thôi. Và nói với Thượng thư lệnh Dương Tuân Ngạn rằng: “Người chân thật như thế làm gì có sự hủy báng?” Vua bèn đích thân công Sư trở lại chùa, Sư cự tuyệt không chịu. Vua nói: “Đệ tử công thầy đi khắp nước cũng chưa đủ để sám hối tội lỗi v.v... Nhân đó, vua hỏi Sư rằng: “Đời trước đệ tử đã làm những hạnh nghiệp gì?” Sư đáp: “Làm vua La Sát, do đó, nay vẫn còn ưa thích giết hại.” Và Sư liền chú nguyện vào bát nước, bảo Vua hãy nhìn vào đó. Vua thấy bóng mình giống như tượng La-sát.

Cứ mỗi năm, vào ngày mồng một tết, vua thường hỏi Sư về sự tốt xấu trong một năm. Sau, đến niên hiệu Thiên Bảo thứ mười (569) thời Bắc Tề. Sư bảo: “Năm nay không thể tốt được.” Vua Văn Tuyên Đế (Cao Dương) không vui lòng, hỏi lại Sư vì cớ sao. Sư bảo: “Bần Đạo cũng không bao lâu nữa! Đến tháng mười thì Vua (Văn Tuyên đến) băng, qua đầu mùa hạ năm sau (560) thì tôi thị tịch”. Nghiệm xét lại quả đúng như thế. Thường nhân những ngày rảnh rỗi. Vua nói rằng: “Đệ tử chưa thấy sự linh dị của Phật, vậy có thể thấy được chăng?” Sư bảo: “Đó không phải việc thích nghi của Sa-môn.” Vua cố năn nỉ. Ngài bèn bỏ y Ca-sa xuống đất. Vua sai mấy mươi người giở lên mà chẳng lay động. Sư bảo một vị Sa-di đến lấy, tự nhiên không chút nặng nhọc

gì. Nhân đó, Vua càng dốc lòng kính tin khác thường. chùa chiến tăng chúng, vua cúng dường cung cấp rất nồng hậu. Đến khi nhà Bắc Tề mất, đến thời Bắc Chu phá hủy, tặng chùa cho Quan Đại phu Liễu Vụ Văn. Liễu Vụ Văn lại bảo người thân mới của mình trông coi gìn giữ. Đang dời chùa vào ở, có vị thần tức giận bảo. "Sao dám lấn phạm chùa của bậc Tu-đà-hoàn?" Và thâm liễm không bao lâu thì mất. đến đầu đời Tùy, phục hưng lại am động như mới xây dựng, mỗi ngày sáu thời thiền tọa lễ sám, vang tiếng khắp hoàn vũ. Đến cuối niên hiệu Đại nghiệp (617) đời Tùy, giặc lấy chùa làm nơi doanh trại chiếm đóng, phòng nhà còn lại đều bị thiêu đốt.

Đầu niên hiệu Trinh Quán (627) thời Tiền Đường, Tôi (Đạo Tuyên) trèo lên thắng địa ấy, núi rừng vẫn như xưa, tình sự lại mới, khắp nơi hoang lạnh, thường dấy lên trời than thở sinh diệt, khắp đưa mắt nhìn đều bị thiêu đốt, thường chẳng xa lìa lỗi lầm. Người viết truyện này (tức Đạo Tuyên) có xem hành Đồ, nên đặt tựa ở sau.

9- Truyện ngài Thích Pháp Thông trụ chùa Cảnh Không ở Tương Dương:

Thích Pháp Thông, họ Mai, người ở xứ Tân Dã thuộc Nam Dương. Năm tám tuổi, Sư xuất gia, tài giỏi hơn người, tánh tình ngay thẳng trong sạch, thân hình như ngọc. Chỉ ăn rau lá lấy làm ngon, không mong cầu các vật béo bổ, đến tuổi trưởng thành, phong thái tiết tháo Sư càng mạnh. Với mọi vật tịnh thí tài lợi, lần lượt Sư nhóm cấp, đều hồi hương tu tạo kinh tạng hơn ba ngàn quyển. Sư lại gom góp các Ký luận, có gì giúp cho Hoằng tán, thì không gì Sư chẳng gom góp.

Năm hai mươi lăm tuổi, Sư đi về hướng Đông thì đến Trung nhạc. Đi về phía Tây thì đến Võ Đang. Tại chỗ thông Đạo, nên Sư chỉ ở chỗ vắng yên. Nhân đi đến suối Bạch Mã ở núi Tản Cái thuộc Tương Dương. Sư xây thất phương trượng, để làm nhà gá tâm. Vào hai cái hang làm nhà lan-nhã. Nay những người đi tuần núi còn biết nền cũ ấy. Đầu đời Lương có Tấn An Vương. Đến Tương Châu, nghe Đạo phong của Sư nên dò hỏi, sắp đến Thiệt thất, ngựa đang cưỡi theo vô cơ tự thối lui. Tấn An Vương hổ thẹn trở về, đem đó lại cảm ác mộng. Sau, lại tìm đến, ngựa cũng thối lui như trước. Tấn An Vương bèn thanh khiết trì trai, dốc lòng hết sức thành kính mới được đến diện kiến. Ban đầu, mới đến cạnh chùa, chỉ thấy một cái hang toàn lửa dữ cháy phừng phực, đứng nhìn giây lâu, bỗng nhiên biến thành nước, lại ngừng trong khoảnh khắc, nước tan biến, Đường nhà hiện ra. Dem việc ấy hỏi, mới

biết lúc ấy, Sư đang nhập Định Thủy Hỏa. Chỗ ngồi trong nhà, hai bên giường dây mỗi bên có một con hổ. Tấn An Vương không dám bước đến, Sư bèn đưa tay đè đầu hổ xuống đất và bịt hai mắt nó, gọi Tấn An Vương đến phía trước, Tấn An Vương mới được lễ bái. Nhân đó trình báo với Sư khắp trong xứ thường bị tai hoạn bởi hổ, cầu xin Sư cứu giúp. Sư liền nhập định, chỉ trong phút chốc có mười bảy con hổ lớn đi đến. Ngài bèn truyền cho nó ba pháp quy giới, dạy răn không được can phạm hung bạo đến trăm họ. Sư lại bảo đệ tử lấy vải bố áo cũ buộc vào cổ hổ, bảy ngày sau lại đến đó. Tấn An Vương đến đúng ngày hẹn, thiết trai, chúng nhóm họp, các con hổ cũng đến, bèn cho ăn và mở vải bố ra, từ đó không còn hại nữa. Hôm ấy, Sư dẫn Tấn An Vương cùng đến suối Bạch Mã, trong suối có con rùa trắng tự đến trong tay Sư mà lấy thức ăn. Ngài bảo với Tấn An Vương: “Đây là con Rồng đực. Lại đến chỗ suối linh, có con cá chép năm màu cũng đến tay Sư để ăn. Sư bảo: “Đây là con Rồng Cái. Tấn An Vương cùng các Quan lại vô cùng tán thưởng việc ấy, bèn lập Đại thí hội mà cúng thí. Có bọn hung đảng vây quanh chừng mấy mươi người, ban đêm đến cướp chỗ vật cúng thí, gặp hổ gầm gừ cản đường, lại thấy một người lớn đứng tựa nơi thiên thất, bên cạnh có cây thông cao chỉ đến đầu gối họ, cầm chày Kim Cương, có người thủ vệ. Suốt đêm bồi hồi qua giờ ngộ hôm sau mới trở về. Tấn An Vương lấy làm lạ sự trở lại muộn này, bèn lấy sự việc ấy làm đầu, bèn dâng biểu tấu trình. Nhà vua ban sắc xây dựng chùa Thiên Cư, Sư chẳng đến ở mà chỉ cho người đến an định ở đó. Vua lại sắc bảo Từ Xi đến chỗ Sư ở xây dựng chùa Linh Tuyền, đến thời Bắc Chu đổi tên là chùa Tĩnh Lâm, đến thời Tùy lại đổi tên là chùa Cảnh Không, tới thời Tiền Đường vẫn gọi theo đời Tùy.

Mới đầu, Sư ở trong thiên đường, thường có con nai trắng và con chim sẻ màu trắng thuần phục đến nương ở. Hễ chỗ nào Sư đi qua, đều lấy sự từ bi cứu giúp làm đầu. Nhân thấy người Đồ tể trói buộc cả trăm con heo, Sư liền ba lần xướng bảo rằng: “Giải thoát Thủ lãg-nghiêm.” Heo bèn tuôn mở giây chạy tán mất, những người đồ tể tức giận, sắp ra tay gây sự, Sư vẫn đứng tự nhiên không lay động, nên họ bèn quy hướng sớm hối lỗi lầm, nhân đó dứt bỏ nghiệp giết hại. Sư lại đến sông Hán, thấy ngư ông đang kéo lưới, Sư cũng xướng bảo ba lần như trước, ngư ông kéo lưới không được, bèn lại quy tâm, mang lưới không trở về. Lại nữa, ở Kinh Châu bị khổ hạn hán, chùa Trường Sa sai vị tăng đến chỗ Sư thỉnh cầu mưa. Người sứ trở về thì trời mưa lớn, ven bờ ao hồ đều ngập cả. Vua Võ Đế (Tiêu Diễn - thời Nam Lương) sai Lư Lăng Vương

thỉnh Sư đến Thành Đô, có sự việc không toại ý. Đến lúc Tương Đông Vương làm trấn mục Kinh Giáp ở Giang Lăng, xây dựng chùa Thiên cung, thỉnh Sư trụ ở đó. Và Sư thị tịch tại chùa đó. Lúc ấy nhằm niên hiệu Thái Thanh (547-550) thời Nam Lương.

Ở chùa đó hiện có bia ký, rộng nêu bày các dị chứng ở chùa Cảnh Không. Nay tại chùa có ngôi Thiên đường hiện còn.

10- Truyện ngài Thích Trí Viễn trụ chùa Khai Thiện tại Chung Sơn:

Thích Trí Viễn, họ Vương, vốn người ở xứ Thái Nguyên, đến ngụ ở Thiểm Phúc. Thưở nhỏ Sư đã thông minh đỉnh đạt, sớm tỏ ngộ phi thường. Ngài trụ ở Thiên Phưởng chùa Trường Sa ở Kinh Châu, làm Đệ tử Sa-môn Pháp Kinh. Sư cao vợ riêng đứng, nghĩ nhớ huyền tâm.

Đến tuổi thọ giới, sự thanh khiết nơi Sư càng mạnh mà tuệ nghiệp chưa sâu, xa nghĩ đến Dương Liễu, bèn mang đội pho sách men theo làn sóng đi đến Kiến nghiệp. Bấy giờ, có Sa-môn Tăng Xước ở chùa Long Quang là bậc một đời Anh hùng. Sư bèn buông tâm kính ngưỡng yếu chỉ, chuyên môn thọ giáo. Học qua một năm, Sư bèn hiểu thông ba tạng. Có Hầu Tiêu Chánh Lập ở Kiến An đời Lương, thông cả Nội ngoại, mở mang cả Khổng giáo lẫn Thích giáo, xây dựng chùa Phổ Minh, thỉnh Sư đến ở, để bày chí cúng dường.

Bấy giờ, có Thiên sư Tuệ Trạng là bậc thấu đạt Định Phẩm sâu mầu, là nơi Tông lãnh của hàng hậu học. Sư bèn cầu thỉnh thọ học đủ các bí pháp, hỏi tìm chất vấn huyền quán, nước định đã lắng, cửa tuệ nên mở thoáng, đến lúc Sư nghiên cứu thực hành Đại Thừa thì thấu suốt cả lá rễ. Sư lại trải qua các Danh sơn, nuôi dưỡng chí mở mang Đạo pháp, cùng các Sa-môn Đạo hội đồng nhóm họp như rỗng cuộn. Nổi lòng trắng trong xưa trước bỗng một kỳ hạn khai mở, nhân ở chùa Khai Thiện, Sư dốc chí với suối rừng, thành quyết chẳng hề trông nhìn, hoa sức thể tục không dẫm qua, Sư giữ sự tĩnh lặng an nhiên tới tuổi già vẫn không bỏ.

Vào sáng sớm ngày mồng một tháng mười hai niên hiệu Thái Kiến thứ ba (571) đời Trần. Sư thị tịch tại Thiên phưởng chùa Khai Thiện, thọ bảy mươi bảy tuổi. Sư căn dặn, cấm không được khóc, và an nhiên như nhập định, bèn an táng tại núi Độc Long. Sa-môn Tuệ Hạo chùa Tân An nói rằng: “Tôi cùng người ấy (Trí Viễn) sớm đồng pháp môn, lâu bầm giới đạo. than ôi! Bỗng nhiên Cầu Pháp hư hoại, thuyền báu đã đắm chìm, mới dốc chút tài ngu mọn kính ngưỡng truyền tỏ thật

đức!” Ngũ Binh Thượng Thư Tiêu Tế là người nhiều tài học rộng, hạnh sạch danh cao soạn Minh tụng.

11- Truyện ngài Thích Pháp Thường trụ núi Phúc Thuyền ở Kinh Châu:

Thích Pháp Thường, người thời Cao Tề, lãnh dẫn đồ chúng giảng luật, tiếng tăm vang khắp xứ Chương Nghiệp. Sau, Sư giảng Kinh Niết-bàn và trao truyền Thiền số. Tề Vương tôn Sư làm Quốc sư. Vì ở trong chúng ồn náo khô khan do đó không sinh công đức, Sư bèn vất bỏ đi đến đất Sở. Sau nghe có tin truy tìm, Sư bèn đổi thay hình dạng ăn mặc, một lần đi xa ngàn dặm. Sư lại đến Hành nhạc, thường ở trong rừng núi hoang dã. Chuyên mặc áo vải bố đi khát thực. Sư lại đến Kinh Hiệp. Có Sa-môn Pháp Ấn từ lâu ở ngọn núi phía Đông núi Phúc Thuyền, trì tụng các Kinh Pháp Hoa, Duy-ma, Tư Ích, lấy làm việc thường, mà không hề nhàn rãi quán tâm. Sau đến chỗ ngài Tùng Tư, thấy ngài là người có tiết tháo khác lạ, Sư bèn quy hướng cầu hỏi bến bờ. Ngài bèn im lặng chẳng đối đáp. Trải qua một mùa hạ, sụt sùi than khóc, Ngài mới chỉ bày Tâm yếu, như điều nói mà thực hành mới thấy được chỉ thú ấy. Ngài Pháp Ấn tuy chú tâm từ lâu mà buộc niệm chỉ mới thời gian ngắn. Tổ ngộ sâu tịch định thật không thể suy nghĩ bàn luận.

Sư cùng Hồ Quân là người bạn cũ, cách xa chẳng gặp. Ghi ngày tháng sẽ đi xa trên tường, đến kỳ hạn quả nhiên Sư thị tịch. Khi sắp thị tịch, Sư nói với Chư tăng rằng: “Hôm nay, tôi sẽ ngủ một giấc dài!” Bèn vào phòng thất, nằm nghiêng bên hông phải, sáng ngày hôm sau, chư tăng lấy làm lạ khi thấy Sư ngủ không dậy, đến xem thì Sư thị tịch từ lâu, mới hiểu lời nói giấc ngủ dài của Sư.

12- Truyện ngài Thích Pháp Kinh chùa Trường Sa ở Kinh Châu:

Thích Pháp Kinh, họ Tôn, người xứ Thái Nguyên, đến ngụ ở Giang Lăng. Lúc sắp mang thai, mẹ của Sư mộng thấy vào trong ao sen, nâng bế một đồng tử, hình tướng khôi ngô rất đáng mừng vui, nhân đó mà mang thai Sư. Đến lúc sắp sinh, mẹ của Sư lại mộng thấy cưỡi trên mình một con sư tử màu trắng dạo chơi giữa hư không.

Năm bảy tuổi, Sư xuất gia. Năm mười ba tuổi, Sư cùng bạn đồng học là Sa-môn Trí Uyên đều lên tòa cao giảng pháp rành mạch lưu loát không vướng mắc, chư tăng trong chùa Trường Sa đều mộng thấy có một vị Thánh tăng báo rằng: “Chùa Trường Sa vốn không có đàn việt, Ngài (Pháp Kinh) với nguyện lực sinh đến đó để làm rường cột.”

Do đó, mọi thứ tạo dựng như gió theo nước dâng, vật dưng tài lợi chứa nhóm thành núi, cửa Phước mở rộng lớn, Điện Đường phòng nhà lớn nhỏ có tất cả thảy một ngàn năm trăm gian, đều do Sư xây cất. Tăng chúng nhóm họp có hơn ngàn vị. Thánh tượng tôn thờ tại chùa Trường Sa, trong nước ngợi khen đó là bậc nhất ở Đông Hoa. Do đó Đạo lực đến cả U minh đều trùm khắp. Hai vị Vua thời Hậu Lương nghe Đạo phong Sư thảy đều kính trọng, tôn Sư làm Tăng Chánh để làm giềng mối cho Di Pháp.

Về sau, Sư mắc phải chứng bệnh nguy ách, chư tăng trong chùa suốt bảy ngày đêm đối trước tôn tượng hành đạo. Sa-môn Pháp Thái mộng thấy Thánh tượng đến chỗ phòng Sư, và Tịnh nhân Viễn chí cũng đích thân trông thấy Thánh tượng từ nơi phòng Sư trở về Đại Điện. Ngày đó, bệnh Sư liền lành. Vậy đủ biết thụy tượng của vua A-dục ban giáng vốn ở nơi người, chuyên chú nguyện cầu, không đâu chẳng ứng. Sau đó, không bao lâu thì Sư thị tịch tại chùa, thọ bảy mươi sáu tuổi.

13- Truyện ngài Thích Pháp Lâm trụ núi Ngọc Tuyền ở Kinh Châu:

Thích Pháp Lâm, họ Nghiêm, người ở xứ Chi Giang. Năm mười lăm tuổi, Sư xuất gia trụ chùa Ngọc Tuyền. Ở đó chúng bạn thanh tịnh, Sư nương tựa Đạo Vị có đến mấy năm, chuyên lấy thiền niệm làm căn bản, lúc rảnh rỗi thì tụng kinh. Với các kinh Pháp Hoa, Duy-ma cho đến Đại Luận sao, Sư đều thông suốt không mịt mờ. Sư chẳng mặc các thứ lụa là, chỉ dùng vải bố thô lớn làm áo, chẳng ăn dùng vật thực của chúng tăng, thường chuyên khát thực, mỗi ngày một bữa, không nằm, thường ngồi, siêng năng cố gắng, chẳng như đồng bạn.

Sư chống tích tượng đến khắp phương xa, nói tìm bạn lành cao đẹp, nên các xứ Lô Phong, Đài Lĩnh, Hành La, Hằng Đại, không nơi xa nào Sư chẳng đến. Khí mạo đáng diệu Sư trong sáng cao vợi, nên chư tăng trong núi trông thấy không ai chẳng cung kính cao tiết mà kính ngưỡng sự kỳ thú của Sư. Rừng chằm là nhà cửa của loài thú dữ, nơi sâu tối là hang hốc của Quỷ quái, mà Sư dừng nghỉ tự tại như trong xóm làng.

Trước kia, có lần từ Đại Nhạc, Sư theo đường ra Từ Châu, gặp 1 Huyện lệnh, dùng công nghiệm hỏi Sư, Sư thường mang theo một hòm Kinh Pháp Hoa, bèn đáp rằng: “Trong hòm đó có Hành Văn”. Huyện lệnh xem xét không thấy, bèn tức giận bảo rằng: “Vốn không có hành văn, vì sao lại nói có?” Sư đáp rằng: “Kinh ấy là tung tích sở hành của

Chư Phật, Bần đạo dẫm theo mà thực hành đó, trở về với cội nguồn, tức Hành văn của bần đạo!” Huyện lệnh tức giận không thôi, bèn giam giữ Sư. Suốt bảy ngày, Sư không ăn, tụng kinh không thôi nghỉ. Huyện lệnh cảm lấy ác mộng, bèn đánh lễ sám hối tội lỗi.

Sau, ngài ẩn nấu nơi núi vắng, chuyên lấy thiền tĩnh làm chánh nghiệp. Và an nhiên ngồi thẳng thị tịch trong hang núi, thọ sáu mươi hai tuổi. Có mùi thơm lạ phảng phất suốt tuần mới hết.

Bấy giờ, ở Dương Sơn có Sa-môn Tăng Cảnh, không rõ Sư là người xứ nào, ẩn vết ngoài cõi trần, chỉ lấy Đạo tự vui sống. Trong Dương sơn có suối đá, tùng trúc đẹp xinh, trong lành rộng thoáng, đỉnh núi nối tiếp với Đào Nguyên, người xưa xưng gọi đó là Danh Địa. Sư chiêm đoán tịch chiếu, cảm thông đến Quỷ vật. Như người có niệm ác thì chẳng thể bước tiến lên, hoặc bị hổ rấn làm sợ hãi phải lạc mất đường. Nếu có người muốn hỏi đạo thì an nhiên bước đến không có điều gì. Cũng có người đến đó mà bưng bưng dấy khởi niệm ác, bỗng nhiên thấy con rắn lớn xuất hiện từ giường dây, sắp muốn nhả khí độc hại, bèn sám tạ mà được khỏi. Bấy giờ, tại Chi Giang có Thiền sư Tuệ Thôi là Đệ tử tài giỏi của Thiền sư Tuệ Tư ở Nam Nhạc, nghe Đạo phong Sư mà đến. Sư chỉ im lặng chẳng đối đáp. Ngài Tuệ Thôi khóc lệt như mưa cầu thỉnh, suốt đêm đứng đợi chí thành, cố thưa hỏi thành thật, trải qua nhiều ngày, Sư mới bày nói: Ngài Tuệ Thôi mở lời nói rằng: “Tôi đến khắp các Danh sơn, gặp được nhiều vị thượng đức. Bạn lành cao thượng có đến mười tám vị, phân rành được đường lối cửa ngõ ấy, từng trải qua bước vào, mà tường nhận cao xa, xướng lời kỳ đặc, khó dẫm bước lên, người ấy chính ở đây!” Đến như tuổi tác của Sư, mọi người đều chẳng thể lường biết được, có lần ngài Tuệ Thôi dò hỏi. Sư đáp là: “Tôi đã ba trăm tuổi!” Không biết về sau, Sư thị tịch ở đâu.

14 Truyện ngài Thích Tuệ Thành trụ chùa Thuyền Tuệ ở Chi Giang:

Thích Tuệ Thành, họ Đoàn, người xứ Lễ Dương. Sư xuất gia trụ chùa Thập Trụ, đọc tụng các kinh điển Đại thừa như Pháp Hoa, Duy-ma, Thắng nhân vương, v.v... hơn hai mươi quyển.

Sau khi thọ giới cụ túc, Sư vi Kinh Nam Phật Pháp Hy Tiên thừa Đô mở rộng pháp tịch, xa có tâm kính mến Sư, ông bèn nhân theo thuyền buôn mà đến đất Kiến Nghiệp. Gặp lúc đang nhóm họp giảng Luận Thành Thật. Học chúng rất đông chen vai kề sát nghe học suốt thời gian mười năm. Văn ký sắp hết. Sư sắp trở về Bồn ấp, bèn đến

chùa Khuông Sơn gặp ngài Trí Khải, nhân Thiền sư Tuệ Tư ở Nam Nhạc giúp đỡ hoàng hóa trong núi, dẫn chúng như sóng động, Sư thử đến đó xem. Khi đã thấy được, Sư vui mừng muốn học theo Định nghiệp, Thiền sư Tuệ Tư bảo rằng: “Một đời học vấn của ông, để ta hơ tay còn chẳng được ấm. Luống mất công phu, thật đáng tiếc thay!” Sư vốn nhờ Văn Sở, nương tựa kẻ khác mà sinh hiểu biết, bỗng nhiên nay tự xem xét, mịt mờ như sương mốc tan đi, bèn bùi ngùi hối hận, rất không thể được! Sư bèn nghĩ rằng: “Nhân Đại Sư khéo biết ý từ trước đến nay thử nghiệm đó xem sao.” Thấy cây như ý, và khăn tay, giày vải bèn muốn có được. Thiền sư Tuệ Tư bảo đưa cho Sư. Sư bèn vội đốt bỏ hết chương sao, ném vát bút nghiên, chuyên chí ràng buộc tâm, lấy sự chắc chắn thành đạt làm kỳ hạn.

Bấy giờ, đến chốn thiền môn có mấy mươi người, đều là những bậc tiên đạt, vì tối sau, nên Sư sợ chẳng bằng, bèn lấy đêm làm ngày mở mắt ngồi thiền, trải qua mười lăm năm. Thiền sư Tuệ Tư bảo Sư đến các đạo tràng Phương Đẳng, Pháp Hoa, Quán Âm, Ban Chu, trải qua để tiêu trừ chướng nạn, Sư bèn y cứ thực hành suốt ba năm, nghiệp ma, quỷ thần đều nhân đó mà mất hẳn. Thiền sư Tuệ Tư bèn chỉ bày cho chánh pháp. Sư chuyên tư duy Huyền tịch, thời gian lâu bèn tỏ ngộ Giải chúng sinh ngữ ngôn tam-muội. Sư càng tinh tấn suy nghĩ thông sáng, tĩnh loạn ngang bằng nhau. Còn ngài Trí Khải nhắm mắt thì thấy Đạo tuy sáng mà mở mắt thì mất, so với Sư thì khác hẳn như trời với đất. Thiền sư Tuệ Tư bảo rằng: “Ông Trí Khải trước phát tam-muội, sau chứng Tổng Trì, còn ông Tuệ Thành thì ngược lại, cả hai ông tịch chiếu ngang bằng nhau!”

Sau khi Thiền sư Tuệ Tư thị tịch. Sư bèn đến Chi Giang xây chùa Thuyền Tuệ. mọi thứ đất đá cây gỗ để xây dựng đều nhờ thế tục mà có, do đức hạnh chiêu cảm nên chẳng bao lâu bèn thành tựu. Ở đó nhìn về phía Tây nơi bãi cát nhỏ là chỗ đất mà ngài Đức Loan gá ẩn. Còn xa nhìn đến Thượng Minh là nơi Di Thiên (Thích Đạo An) xây lập chùa. Tương Đông Vương, do kính mến đạo phong của Sư nên thỉnh vì xây dựng chùa Thiền Chúng. Sư bèn xây dựng Đại Điện nhưng thiếu xà nhà nên chẳng thành. Đang lúc tháng sáu, nước dâng cao, trong một đêm Sư cảm mộng có người mách bảo: “Có gỗ để làm xà nhà được, hãy qua sông mà đón lấy”. Sư theo lời ấy, bèn đến xem thử, quả nhiên đúng như sự mách bảo. Có Thanh Tín Sĩ (cư sĩ) Đoạn Hoàng làm chủ một tinh xá bỗng nhiên chết giấc, người nhà thỉnh Sư đến nhà thì Đoạn Hoàng sống lại kể rằng: “Mới đầu bị bắt đến chỗ Vua, thấy Thiền sư lên điện, nói

cùng với tôi tạo lập công đức chưa xong, bèn xin tha cho. Vua đứng dậy đánh lễ sát chân Thiên sư, như lời nói mà được thả. “Trần Chúa nghe vậy bèn đến thỉnh nhưng Sư chẳng đến. Lại sai Giang Tổng v.v... đến thỉnh, nếu chẳng được thì chẳng nhọc trở về. Vua quan dân chúng khóc như mưa, gượng dắt Sư xuống thuyền, Sư bèn cởi thân nhảy xuống nước đứng trên dòng sông. Lại thỉnh nhưng chẳng mong xuống. Giang Tổng v.v... rối rắm thân không nơi y cứ, bèn theo Sư đến Đô thành thọ giới mà trở về. Vua bèn ban tặng chỗ Sư ở đặt tên là chùa Thuyền Tuệ.

Sau đó không bao lâu, phố chợ triều đình biến đổi, có Luật sư Thường muốn đến Nam nhạc, gặp Sư cùng dừng nghỉ qua đêm. Trong đêm Luật sư Thường bắt bớ chấy rận xuống đất nhưng Sư thầm biết. Đến sáng, lúc từ biệt nhau, Sư bảo: “Đêm qua Đàn Việt bị lạnh làm khốn khổ!” Luật sư Thường hổ thẹn, trọn tự răn dè.

Đến lúc sắp thị tịch, Sư bảo môn nhân rằng: “Hãy mau sắp xếp nền Đại Điện. Tôi sắp giảng kinh Niết-bàn.” Mọi người nghe bèn vội tay làm, vừa xong thì ngài Trí Giả ở chùa Ngọc Tuyền đến, thăm phù hợp nhau, cùng bàn luận Huyền lý. Giây lâu sau dứt hơi, Sư an nhiên ngồi thẳng thị tịch tại chùa Thiên Chúng, thọ bảy mươi ba tuổi. Tương Đông Vương Cung nội, lập bia, đến nay vẫn còn ở trong thành.

15- Truyện ngài Thích Pháp Nhãn trụ núi Ngọc Tuyền ở Kinh Châu:

Thích Pháp Nhãn, người xứ Giang Lăng. Mới đầu, Sư đến chùa Thiên Hoàng, xin xuất gia. Từ khi thọ giới Cụ túc về sau, Sư chuyên thọ trì Kinh Pháp Hoa, Duy-ma, mỗi ngày thường tụng hai biến. Chúng tăng nhóm họp đông đảo, có lắm sự ồn náo, gây đổ do đó phát sinh. Sư bèn đi về hướng Tây đến núi Phúc Thuyền, ở dưới hang núi, chuyên tu hạnh Đầu-đà, tự lắng tĩnh Quán lý. Hơn ba mươi năm chỉ ăn cây cỏ, mặc áo vỏ gai chằm vá mà thôi. Tự được ở chốn núi rừng u vắng, không mong cầu ngoại hộ. Thặng gạo nếu hết, thì Sư chỉ dùng lấy nước trái cây, không hề cầu xin. Sư từng chỉ ăn một bữa mà ngồi suốt bảy ngày cầu mong chí nguyện. Và đã từng suốt một mùa hạ hao phí chỉ ba đấu gạo, chắc chắn đến ngày tự tứ còn đầy năm thặng. Sư tuy sống riêng chẳng vào giới khoa, mà kiệm ước một góc tự hành trì riêng. Sư ở nơi khám thất chiều cao chỉ dung chứa đến ngang đầu gối. Giữa mùa Hạ nắng nóng hay mùa Đông không cần phải thêm chăn nệm, mùa Hạ chẳng cần bớt áo mặc. Sư an nhiên giữa đạo Vô vi mà thôi. Bỗng nhiên có một con voi không duyên cớ gì mà tự đến nơi khám thất ngài. Trải qua

mấy ngày, Sư bỗng hiện tướng bệnh, đến hang núi ở phía Bắc của chùa nằm nghiêng hông bên phải, thọ sáu mươi bảy tuổi. Y bát của Sư như bụi trần gỗ mục, chúng không can dự. Thử bình phẩm và định giá trị thì chẳng đến mười quan tiền.

16- Truyện ngài Thích Tăng Thật trụ chùa Truy Viễn ở Kinh Đô:

Thích Tăng Thật, họ Trình, người ở xứ Kinh Võ thuộc Hàn Dương. Thưở nhỏ, Sư đã có hoài bão cao nhã, trong sáng không ai bằng. Sư thường cùng các trẻ nhỏ dạo chơi vui đùa, hoặc hái lá dâm hương, hoặc nhóm cát xây tháp, khắp trong thôn xóm mọi người đều kính quý Sư. Biết Sư sắp có thể dần dần kính tin, thân quyến mến thương, chẳng cho Sư xuất gia. Sư dùng hết lời dẫn dụ, lâu sau mới được toại ý. Đến năm hai mươi sáu tuổi, Sư mới được cạo tóc xuất gia.

Bấy giờ, có Pháp sư Đạo Nguyên là người nổi tiếng thời Bắc Ngụy, Sư bèn quy hướng nương theo. Được gặp Vua Hiếu Văn Đế (Thác Bạt Hoàn 479 - 500), bèn đội ân ban lễ. Khoảng cuối niên hiệu Thái Hòa (500) thời Bắc Ngụy, Sư theo ngài Đạo Nguyên đến Lạc Đô. Nhân gặp Tam Tạng Pháp sư Lạc-na đang truyền bá Thiên pháp. Sư thường ở nơi Hoàng cung dò hỏi Thiên Bí. Ngài Lạc-na lấy làm lạ bảo rằng: “Từ lúc đạo pháp truyền bá đến Đông Hạ, thiên vị tĩnh lặng là ở người này ư?”. Từ đó, Sư tìm thầy học đạo, trải qua khắp cùng. Tuy ba học, Sư đều thông suốt, nhưng chỉ dùng chín thứ điều phục tâm, nên thành tựu nước Định lặng trong, rừng thiên tươi tốt. Tánh Sư ít can thiệp đến việc người đời, chỉ chuyên lùi bước ẩn nấu làm chính. Do đó, lọng cao, xe ngựa bốn con, Sư không hề ghé mắt để ý. Còn với suối trong rừng trúc, Sư đoái hoài quên cả trở về. Lại thêm, miệng vòng quanh như mặt tử xinh đẹp dường như thẳng hình, mắt có hai tròng người phát sáng soi chiếu ra ngoài, nách bụng như trứng chim phụng, bảy chỗ đều bằng phẳng tròn đầy. Tướng ngài đặc biệt khác thường, vang tiếng khắp cả Kinh Lạc. Lại thêm Đạo hợp, sống biết hóa thông khắp mọi chốn. Nghe học tuy chưa rộng nhiều mà không điều gì hỏi đến mà Sư chẳng sáng tỏ. Siêng năng chỉnh trang bốn oai nghi lặng tu ba pháp. Có thể làm khuôn phép ở phong tục, đủ làm bậc Thầy mẫu mực cho trời người. Nên Thái Tổ Văn Hoàng - Hiếu Mẫn Đế (Võ Văn Giác) thời Bắc Chu, lúc làm Đại Thống Trung đời Ngụy, có ban chiếu nói rằng: “Sư có đôi mắt sáng đẹp, hai tròng người riêng biệt, đồng như vua Ngu vua Thuấn, lưng lớn hơi cong tựa Chu Công, Đức lớn thuần đẹp, khuôn phép tâm lượng khó mô phỏng. Có thể như Tam Tạng Chiêu Huyền. Nói là vật báu ở đời, vì thế dốc chí

gìn giữ, cho nên có Pháp tướng cần hưng khởi, việc thế tục nên phế bỏ. Mở lời đàm tấu luận bàn mọi sự không gì chẳng thực hành.”

Vào niên hiệu Bảo Định (561 - 566) thời Bắc Chu, vua Thái Tổ lại bảo: “Sư có tài sâu đức lớn, nên giúp đỡ đạo tục bằng phép lễ lớn nên Vua đích thân đến cầu thỉnh Sư vì nước nhà mà làm Tam Tạng Pháp Sư. Sư thật đương nhân chẳng nhường nên im lặng chấp nhận, là khiến cho rường cột tại đó, làm hình nghi đáng nường cậy. Nhà Bắc Chu có được đất nước, lại kính ngưỡng huyền phong, lễ trọng khác với triều đại trước, cầu xin nhận thọ quy giới. Sau khi Thái Tổ bình định Lương Kinh, tại Ích Châu có hơn mười lăm vị Đại đức, mỗi vị ôm lấy kinh bộ, đón rước tôn tượng đến kinh đô. Đem Diệu Tông của ngài Chân Đế đến hỏi Sư. Thế rồi tuệ tâm ngẫm chuyển, Nam Bắc mới thông. Sư liền vì vạch bày quyết trạch suốt thông vượt ngoài tình, đồng thời thần phục. Từ đó, Sư đào luyện mở mang khắp Kinh Hoa, lâu dần càng hưng thịnh.

Bỗng một hôm, Sư bảo tăng chúng “Hãy gấp chuẩn bị các thứ hương đèn sửa sang pháp sự, trì tụng xưng niệm Bồ-tát Quán Thế Âm để cứu giảng đường ở một ngôi chùa kia ở Giang Nam sắp bị sụp đổ”. Ngay lúc ấy, giảng đường ở Dương Đô đang luận về pháp tập, kẻ Tăng người tục có đến vài trăm vị ở đây trong đó, nghe ở hướng Tây bắc có mùi thơm lạ và tiếng kỹ nhạc giữa hư không, cả giảng đường đều lấy làm lạ đồng ra nhìn nghe, thì giảng đường bỗng nhiên sụp đổ. Đại chúng không một ai tổn hại gì, mới đem sự việc ấy tấu trình với Lương chúa và chuyển đến hỏi Vua Thái Tổ nhà Bắc Chu, quả nhiên biết được do Sư cứu giúp. Vua bèn ban đưa lăm thứ quý báu đến dâng tặng liên tục. Và Sư chỉ chuyên giữ lấy ba y và mọi vật mà thôi, ngoài ra đều tùy ban cấp. Do đó tiếng tăm ngài vang động khắp cả ba nước, việc đều tham vấn bậc Chí Thánh.

Đến ngày mười tám tháng bảy niên hiệu Bảo Định thứ ba (563) thời Bắc Chu, Sư thị tịch tại chùa Đại Truy Viễn, thọ tám mươi tám tuổi. Khắp triều đình đến thôn dã đều kinh ngạc than thở, người trời biến sắc. Vua buồn thương gào khóc, ban sắc đắp họa hình tượng Sư thờ tại chùa Đại Phước Điền. Và ngay ngày đó an táng tại Tất Công Lỗ Thực ở ngoài cửa Đông Giao, tại phía Nam phần mộ, bia đá vẫn hiện còn. Sư có các đệ tử như Sa-môn Đàm Tượng, v.v... mỗi đền nói đước chẳng cùng, càng lớn hoa thật. Vì nghiệp có chỗ theo, bèn tại nơi mộ tháp Sư xây dựng ngôi chùa, lại lấy tên là Phước Điền để kính tu phước thâm, đồng thời dựng bia ở cả hai chùa. Sa-môn Thích Đạo An ở chùa Đại Trung Hưng và Nghĩa Thành Công Canh Tín soạn văn, nay hiện còn tại uyển nội.

17- Truyện ngài Thích Tăng Vĩ trụ chùa Thiên Bảo ở Kinh Đô:

Thích Tăng Vĩ, họ Phan, người ở xứ Bình Dư thuộc Nhữ Nam. Khí lượng Sư lắng sâu, phong thần rõ ràng thanh nhã.

Năm mười ba tuổi, Sư xuất gia, chuyên mặc y áo thô xấu, ăn dùng rau lá. Đến nỗi miệng bụng dần dần dùng buồm đá nước từng thông, nóng lạnh cần dùng thường áo lá sen, dãi hoa Huệ, nên được kết tinh tiết tháo trắng trong như ngọc thạch, tánh tình phong nhã phẩy phất giữa ránh mây. Ban đầu, Sư trì tụng kinh Kim Quang Minh. Sau khi thọ giới cụ túc, Sư xuống Dương Đô trụ chùa Đế-thích. Nghe Luật sư Đàm Viện giảng Luật Thập Tụng, ngâm trải qua năm năm xét soi trì phạm. Sư bèn đến trụ chùa Thê Hà ở Nhiếp Sơn, theo Thiền sư Phụng tu học pháp Quán dứt tướng, đượm vị tình không, nghiên cứu xem xét nhân duyên, nương giữ niệm tuệ, từng được Ấn Chỉ. Truyền tỏa hương thơm, nêu cao Đạo nghiệp, xa tiếp thừa gá tức nơi nước nhà, sương mốc danh sơn, hang động sâu thẳm, sông thơm nước ngọt, bèn mang mái chèo lướt sóng nêu danh nơi rừng chằm, trọn đạt ý chí kết ở núi đó. Nhưng tiếng tăm Sư sáng trong vang suốt khắp cùng đất nhà Chu. Vua ưu đãi bậc hiền đức, xa giá đến hỏi Đạo, thỉnh Sư đến Kinh Đô, gần gửi kính thờ lời dạy bảo, vua ban sắc cho các hàng Quân Khanh, cận thân, phi hậu, ngoại thích đều thọ mười điều lành, nhân đó kính thờ ba quy y.

Niên hiệu Thiên Hòa thứ năm (570) thời bắc Chu, vì an táng Thâu mẫu trở về phương Đông. Vua ban sắc mời Sư làm An châu Tam Tạng, sửa sang bốn chúng đều theo pháp Lục hòa. Trong thời gian nhậm lãnh Sư có đến hai chùa Thọ Sơn và Vân Phạm. Phía Nam nhìn về sông Sở, phía Đông thẳng tới kinh thành nhà Tùy. Phép tắc công trình, chuyển vận tốt đẹp.

Đức hạnh Sư lan tỏa khắp Giang Hoài, Các bậc Đế vương trọng vọng, nhân đó có ban sắc chiếu xây dựng riêng chùa Thiên Bảo ở trong Vương Thành để Sư trụ ở đó. Đã được thỉnh mời, nên tự thân Sư làm khuôn phép cho tăng luân, mặc áo nạp cũ kỹ để đền ơn cung cấp. Tính duyên thanh khiết, tiết tháo ngang chí với lâm triều.

Đến ngày mồng mười tháng chín niên hiệu Kiến Đức thứ hai (573) thời Bắc Chu, Sư bị bệnh, sau đó không lâu, Sư thị tịch tại chùa Thiên Bảo, thọ sáu mươi một tuổi. Các môn nhân, đệ tử buồn cảm, sĩ nữ kinh hãi đua nhau kéo đến. Qua tháng hai năm sau, đón rước về An táng tại núi An Lạc.

Sư có nghi dung cung kính trang nhã, oai nghi khoan thai. Người đến với Sư thì tự chỉnh trang khuôn phép thanh tịnh, kẻ trông thấy Sư

thì tự kính ngưỡng. Canh Tín ở Tân dã kính vâng phương trần, khắc lập Văn bia tưởng niệm, nay hiện vẫn còn.

18- Truyện ngài Thích Đàm Tướng trụ chùa Đại Phước Điền ở Kinh Đô:

Thích Đàm Tướng, họ Lương, người ở xứ Lam Điền thuộc Ung Châu. Cùng ở chung phòng với Sa-môn Tăng Thật, vốn chẳng phải Sư Bảo nhưng thuần kính trọng, giữ lễ hơn Hòa-thượng. Sư rất thông minh dễ ngộ, mắt nhìn suốt cả bảy hàng, lấy việc Thiền tụng làm tâm, chu cấp làm mục đích. Sư thường xót dặt dấn có sự lưu tâm riêng. Nhân có việc qua lại, hễ thấy người dùng các thứ lưới vông sắt bắn, chim thú mắc phải khốn khổ, thì Sư dùng thân mình thay thế để chuộc lại cho thoát khỏi mối thôi. Đức nhân từ cứu giúp của Sư thật xuất phát từ thiên tánh. Ngài Tăng Thật có ngợi khen rằng: “Đàm Tướng là người có Phước Đức, ta đây chẳng thể sánh bằng”. Ở đây thấy lễ như thế, có lần vào ban đêm, ngài Tăng Thật đến phòng Sư, Sư thường bày tòa dự phỏng theo. Sư chẳng một lời nào đối đáp, chỉ tỏ bày Đạo hợp, riêng có người nghe, không có một lời hỏi. Sư thường lấy làm khuôn phép mới trải qua nhiều năm. Có lúc bị bệnh nặng, có người đến thăm hỏi, Sư đều lược nêu cương mục chỉ dạy họ trị dứt, đến lúc sẽ có thần hiệu, mọi người đều lấy làm lạ. Có người hỏi “Lý Thuận Hưng và cường luyện là ai?” Sư bảo: “Thuận Hưng mang thai rồng nên lăm dục, Cường Luyện du hành theo tiên tục, giúp đỡ phật pháp mở mang giáo hóa!” Sư có những điều rõ ràng thâm dự ghi, không thể lường biết được. Sư trụ tại chùa Đại Phước Điền, bảy Chúng ở Kinh Hoa đều bắt chước kính ngưỡng như thần.

Vào cuối thời Bắc Chu, chánh pháp bị suy đồi hủy hoại, Sư bèn ngậm ẩn trong núi. Đến đầu niên hiệu Khai Hoàng (581) đời Tùy. Sư dẫn trước xuất tục. Qua ngày mồng tám tháng tư niên hiệu Khai Hoàng thứ hai (582), Sư thị tịch tại Đô thành cũ ở Vị Âm, vẽ tôn tượng Sư để lưu truyền. Hiện nay, tại chùa Thiền Lâm ở Kinh Đô, người kế thừa Thiền học của Sư, tiếp nối phó chúc cho Sa-môn Tuệ Đoan, đầy đủ như trong Biệt truyện.

19- Truyện ngài Thích Đạo Chánh ở Lan Nhã tại Thương Châu:

Thích Đạo Chánh, người xứ Bột Hải thuộc Thương Châu. Bẩm chất Sư cao sáng, lời nói chí khí cao xa. Sư ở không nơi nào cố định, học hành chẳng do thầy truyền trao. Sư thích thực tập Thiền hành, kính

chuyện pháp Lan-nhã. Bất kể mùa Đông hay mùa Hạ, Sư thường gá ở nơi rừng sâu, vào trong thôn xóm khát thực, ngoài ra chỉ thường ngồi. Sư buộc ý tưởng nơi giường dây, buông màn tĩnh lặng một mình. Kể tăng người tục đến tham vấn thì Sư lược chỉ bày giềng mối, khiến họ trú tâm, hướng về sự truyền trao. Nên khiến mọi người từ bốn phương xa đến, mỗi người đều chuyên tâm tĩnh duyên. Chúng nhóm họp tuy đông đảo mà bên ngoài không ồn náo nhiễu loạn. Sư trụ tánh hành tàng, đều không vì Danh. Các giảng hội Kinh luận, không đâu Sư chẳng dẫm bước đến. Và đều nghe ngài giảng sâu ấn, lược bớt chỗ rườm rà. Sư chu du khắp Lương Hà, nói bàn vượt xa. Sư riêng nêu dùng Luận Thành Thật, tiếng tăm vang cùng Châu U, Châu Ký.

Bấy giờ, có Lệ Công Quán dẫn Sư đến chùa chánh trụ, dâng lên thư mỏng mà chí gồm mây gió, không hề đoái hoài, trở lại rừng thưa, tiếp nối đạo nghiệp, gồm thuật Hiến Pháp, lưu truyền ở đời, lấy tên là “Lục Hạnh”, là pháp tu của Phạm Thánh. Gồm nêu một việc giáo hóa mà dung nhiếp thông cả muôn lối. Trong đó:

- 1/ Phạm Phu tội hạnh
- 2/ Phạm Phu Phước hạnh.
- 3/ Tiểu thừa nhân hạnh.
- 4/ Tiểu Bồ-tát Hạnh.
- 5/ Đại Bồ-tát hạnh
- 6/ Phật Quả Chứng hạnh.

Đều hợp cả sáu bộ, giản lược một quyển, rộng là hai mươi quyển. Nửa trước là Phần tựa, nửa sau là Hành Thể, lời chẳng Văn Chất, chữ rõ Từ Phí. Niên hiệu Khai Hoàng thứ bảy (587) đời Tùy, mang lại đến mắt Vua Văn Đế (Dương Khiêm) ý muốn cho rằng chư tăng ở Đông Hạ phần nhiều chìm trong Danh giáo, quy tông ít người nương cậy, dính mắc quên trở về. Muốn cho mọi người bỏ nô mê nghiệm lý, gồm một mà biết Tông, giữ Đạo hành Thiền, thông giúp Thần sáng. Trạng văn đầy đủ tấu trình với triều đình. Tả Bộc Xạ Cao Dĩnh vốn là người nương tựa Đạo huấn, bèn đến chùa Thiền Lâm nhóm họp các bậc Danh đức, trình bày những điều trình tấu, khi đó, giữa pháp tòa có vị tăng bảo rằng: “Tại Đế kinh không có người nào hay sao mà để cho kẻ ở góc biển truyền pháp?” Sư nghe vậy, liền đáp rằng: “Bổn ý tỏ bày muốn làm sáng tỏ tà chánh, chẳng muốn phân biệt trung biên ở giữa hay ngoài bìa. Đạo là thông suốt, cần phải sơ lược noi theo”. Đại chúng không do đâu mà chống đối, nhưng lời nói và việc làm của Sư thì Đại chúng chẳng muốn vâng theo. Từ đó, Tăng chúng không thực hành mà tự giải tán. Sư biết

ở thời Mạt quý thật khó cảm giáo hóa, bèn đem Hành pháp để lại chỗ Thiền sư Phương ở Kinh Liên mà trở về Đông Xuyên, không biết về sau Sư thị tịch ở đâu. Hiện nay, các chúng ở Ly Sơn phần nhiều tiếp thừa quyết tự, giữ nghiệp lưu truyền.

20- Truyện ngài Thích Đàm Tuân trụ chùa Bách Tiêm ở Hoài Châu:

Thích Đàm Tuân, họ Dương, người ở xứ Hoa Âm thuộc Hoàng Nông, sau dời nhà đến ở quận Hà Đông. Từ thuở nhỏ, Sư đã ưa thích vị Đạo, nhưng bị ràng buộc trong thời gian lâu.

Năm hai mươi hai tuổi, Sư mới xả bỏ được việc thế tục, đi xa dò hỏi chốn núi non mà gá ẩn. Sư đến chùa Lâm Lạc Tuyên ở phía Bắc núi Bạch Lộc, gặp được Thiền sư Đàm Chuẩn, xin xuống tóc xuất gia. Lại một năm sau, Sư tấn đàn thọ giới cụ túc, Sư kính cẩn giữ gìn tự tu, sùng bảm tâm học, chuyên chí quyết liệt. Các đồng bạn của Sư trước đó đã hoàn bị giới luật, lại tụng Kinh Pháp Hoa. Mới mùa Hạ đầu tiên, Sư đã trở về Kinh đô để định nghiệp. Nhân có Sa-môn Tăng Điều đang ở tại Thương Cốc, Sư bèn đến học luật. Sư Tăng Điều cũng là bậc Dĩnh Tượng ở Định Sơn, như truyện ở trước đã trình bày. Ngài nổi tiếng khắp cùng, người ở xa cùng đến vái chào cung kính. Ở đã khác rừng, lại tinh tấn dung thông Lý Cực, nghĩa bày lời đến, thường nhân đó cách biệt, bởi đường đi ít dấu chân người, núi non lại lắm dã thú. Sư gá ẩn nơi sâu xa đã lâu, tánh chẳng quen với trần tục, qua lại chất vấn nghi ngại, không do đâu mà đến đường tắt. Thẳng trông Thương Cốc để làm Hạnh biểu. Gai gốc sỏi đá, đạp lên chẳng khó, hang hóc sâu tối cản trở men vịn leo lên, chí trụ trong Chánh Quán. Nên chẳng vì đường tà tự thông, lại do bên cạnh ban trái lợi Đạo. Do phép tắc trước mà thông tuệ, nay ta nêu bày ý chỉ tuy khó nhưng sẽ thẳng tiến để trình bày Đạo nghiệp. Lấy đó nêu ý, tùy cảnh gá tâm, há chẳng phải tốt lành ư? Sư có nói “Cùng với Kẻ mất đạo mà may mắn suốt thông thì thà hợp với Đạo mà chẳng may mắn đến cùng.” Nên ngài dẫm đạp lắm lớp trở ngại, mà chẳng khó đường cùng. Sau trải qua ba mùa hạ, Sư dời đến trụ ở hang Lộc Thổ tu thiền. Gặp lúc sỏi khô lại tuôn nước chảy. Hư nai nhiều quanh phòng viện nên được suối nước đẹp xinh, chim thú quen thuần, thường ngày được cứu giúp nên đến gần với Đạo. đồ chúng theo học cùng mừng vui điềm lành ấy.

Bấy giờ, vì thỉnh pháp nên Sư tạm đến Vân Môn, đi theo đường tắt, bị mây mốc che phủ lạc mất lối đi, nhờ thần núi chỉ lối mới gặp lại

đường chính. Đó là do cảm hóa u minh nên thần minh che chở. Bấy giờ có kẻ trộm đến cắp lấy rau quả, sắp ra khỏi vườn, thì bị đàn ong cắn đốt. Sư nghe vậy bèn đến cứu chữa, dùng từ tâm chữa trị nên được bảo toàn mạng sống. Có người ở Triệu Châu xa đến Ân cần thiết đặt lễ phẩm và trình bày rằng: “Vì bị bệnh chết đi sống lại nên mang ân trạch, đến gặp Diêm Vương vặn hỏi, tội đáng đọa vào ngục, may có Thiền sư Đàm Tuân đến vì xin tha mạng, Diêm Vương nhân đó mà phóng thả. Sống lại chưa uỷ thác, tìm cách cứu giúp.” Sư có lần đi núi gặp hai con hổ giao đấu với nhau qua nhiều ngày không thôi. Sư bèn dùng tích trượng phân chúng ra, dùng thân ngăn lại, bảo rằng: “Đồng ở trong rừng chằm, tính không trái ngược lớn, mong đều tự phân đường!” Hai con hổ bèn cúi đầu vâng lời, tiện nuốt giận mà bỏ đi. Sư lại thường gặp hổ gấu giao đấu nhau, sự việc hơi giống như trên. Và hoặc mở mang ở bụi cây rậm rạp, chỉ một bước chân Sư vào mà chim muôn chẳng loạn động, thú thấy như tình cờ. Đó lại do âm đức cảm vật, hiển bày dụng thành lòng nhân, nếu không làm sao có sự tốt lành như vậy! Mỗi lúc Sư nhập Định cứ bảy ngày là một kỳ hạn. Có con hổ trắng vào phòng Sư, trở thành hang ở, ở nơi phòng viện tĩnh lặng mười năm chẳng ra. Từ khi có dấu vết thiền, ít người phỏng theo.

Từ đó, Sư hoằng hóa theo dòng Hà sóc, mở mang hưng thịnh thiền môn, bèn chống gậy, mang lương thực sắp xếp trở về vụ kết. Vua Văn Đế nhà Tùy kính trọng Đức Âm của Sư rất mực chí thành, ban sắc cho Nghi đồng Tam Tư Nguyên Thọ đích thân trao cho ấn nhà vua và hương cúng dường. Đến cuối niên hiệu Khai Hoàng (605) đời Tùy, bệnh phong tự nhiên tăng nhiều, Sư thị tịch tại chùa Bách Tiêm, thọ tám mươi lăm tuổi, năm mươi hạ lạp.

Mới đầu, khi cơn bệnh tăng dần, bỗng nhiên có ánh sáng thân soi chiếu, gió thoảng mùi hương thơm. Lại cảm có con chim lạ đầu trắng, thân đỏ nhiều quanh phòng viện bay liệng giữa hư không kêu vang buồn thảm. Đến lúc Sư sắp tịch, chim bay vào đậu trong nền nhà, tự nhiên quen thuần, không sợ người vật, hoặc có lúc ở nơi cửa phòng hoặc đến chỗ Sư nằm, càng kêu buồn đau đốn, huyết lên lăn tròn trong khóe mắt. Khi Sư thị tịch, chim bỗng bay ra ngoài khoảng không xoay chuyển liệng quanh mà chết. Lại cảm có hổ dữ đi nhiều quanh phòng viện, kêu gào buồn thảm suốt hai đêm, mây mốc kết tụ che mờ ba ngày, trời đất ảm đạm buồn thảm. Lại thêm núi đổ đá rơi, cây rừng gãy ngã, khe suối nghẽn tắt, kinh động đến người vật, mất chỗ nương tựa. Sư có những điều linh cảm, điềm lành không thể ghi hết.

Về sau, đến tháng mười hai niên hiệu Võ Đức thứ năm (622) thời Tiền Đường, các đệ tử Sư như Sa-môn Tĩnh Lâm, Đạo Nguyên, Tuệ Phương v.v... mới trà-tỳ, thân nhật di cốt còn lại, xây tháp lập bia phụng thờ. Sa-môn Minh Tắc soạn văn truyện về Sư, thấy ở Biệt tập.

21- Truyện ngài Thích Pháp Sung trụ chùa Hóa Thành ở Lô Sơn thuộc Giang Châu:

Thích Pháp Sung, họ Tất, người ở xứ Cửu Giang. Sư thường tụng Kinh Pháp Hoa và đọc Kinh Đại phẩm, số lượng chẳng thể ghi nhớ hết, Sư kiêm sửa sang chùa viện, tình tại trú trì.

Về sau, Sư đến trụ chùa Hóa Thành trên lưng chừng núi Lô Sơn, chuyên tu thiền định. Nếu chẳng phải việc chúng tăng thì Sư chẳng hề tham dự vào. Sư thường khuyên tăng chúng không để người nữ vào chùa, bởi vì trên thì tổn hại Phật hóa, dưới thì rơi lạc vào người đời dèm pha. Nhưng ở đời vì việc cơ nghiệp quan trọng, nên có người chẳng vâng theo. Sư bèn than rằng: “Sinh ra không gặp được Phật, đó đã là tội duyên. Với Chánh giáo mà chẳng chịu thực hành, nghĩa phải chết sớm, sao lo ở xứ này không người kính giữ giới ư?” Sư bèn đứng tại núi ấy đốt hương trên đỉnh, tự gieo mình xuống, thệ nguyện phân nát thân cốt, để được sinh về tịnh độ. Ở giữa hư không, đầu Sư bỗng nhiên chúc xuống, từ từ vào nơi hang sâu, không tổn hại một mảy lông. Chúng tăng trong chùa ban đầu không hay biết. Sau có người lên đỉnh núi, giữa đường nhìn xuống cao hơn ngàn nhận nghe có tiếng người, bèn đến đó tìm thì ra là Sư. Thân mạng vẫn còn, miệng cứ tụng kinh như cũ, bèn đón rước Sư về lại chùa, Chư tăng cảm kích cái chết ấy vì can ngăn dứt bật người nữ. Lại qua sáu năm sau, Sư mới thị tịch. Khi ấy gặp lúc trời nắng nóng mà thân Sư không rã thối, có mùi thơm như dưa chín. Lúc đó nhằm cuối niên hiệu Khai Hoàng (605) đời Tùy.

22- Truyện ngài Thích Tín Hạnh trụ chùa Chân Tịch ở Kinh đô:

Thích Tín Hạnh, họ Vương, người ở quận Ngụy. Thân mẫu Sư đã lâu không có con, nên đến trước tôn tượng Phật cầu nguyện Chí Thành, mộng thấy vị Thần dắt đứa bé đến bảo rằng: “Nay ta trao cho người!” Đến lúc tỉnh giấc, bà cảm thấy khác với thường ngày, nhân đó mà mang thai Sư. Đến lúc sinh ra Sư, tánh tình khác với bình thường. Năm bốn tuổi, ra đường Sư nhìn thấy xe trâu lún đắm dưới bùn sinh, dẫn kéo khổ sở. Nhân đó Sư buồn khóc không thôi, phải chuyển mới xa lìa. Hoặc

gặp phải trâu nghé, trâu mẹ bị chia lìa, hoặc có sự xâm hại, sống biết bằng phân, chẳng hề thương ghét.

Năm tám tuổi, Sư đã trong sáng thông minh, tâm tuệ bộc phát đặc biệt. Từng có vị Thư sinh hỏi Sư rằng: “nay ông họ gì? Nhà ngoại họ gì?” Sư đáp: “Đây họ Vương, kia họ Tôn!” Thư sinh lại hỏi Sư rằng: “Sao không là họ Phạn mà lại là họ Tôn?” Ngài đáp ngay rằng: “Phạn (cơm) chỉ có khả năng hết đói, không thể hết khát. Tôn có khả năng đói, khát cả hai đều hết, nên là giòng họ Tôn chẳng phải họ Phạn!” Sư có tài đối đáp đại loại như thế. Sư mở mang Đạo tổ ngộ thường thông, trải qua các kinh luận hiểu lý rộng xa. Dùng thời xét giáo, dùng bệnh mà nghiệm ở người, chữa nhóm riêng tư thấy đó rõ ràng, hiển bày vết tích cao xa. Các vị ngày trước giải nghĩa phiên dịch khác nhau, chưa hoàn toàn Thanh Văn mà mở mang cả Bồ-tát, dẫm qua Ngôn giáo, nương cậy hành trì làm công phu. Vả lại như y cứ vào tông của Phật, kính không qua thực hành, do sự hiểu biết nên khởi kiêu mạn biếng nhác, bèn có tâm nhàm lìa, trở thành nhân của Biên địa thấp hèn. Nay tuy nghe chân thật, nhưng tâm không tôn kính, tự biết thuốc nhẹ mà bệnh nặng, đáng lý phải thêm siêng năng khổ nhọc, vận dụng hết sức lực mà chữa trị. Do đó tùy chỗ xa gần, hễ nơi nào có ảnh tháp, Sư đều đi khắp lễ bái, nhiễu quanh kính ngưỡng. Vì đời sau mà tập hành kính Phật, dụng một hạnh đó mà thông bày các nghiệp khác. Sư ghi khắc rõ ràng, dẫn suất như thế.

Sau, Sư trụ chùa Pháp Tạng ở Tương Châu, Sư xả giới Cụ túc, tự thân tu tạo, làm lụng mọi việc, cúng dường gieo trồng ruộng Bi ruộng Kính, lễ kính gồm cả tăng tục, chỉ mặc áo đơn, tiết chế ăn uống, vượt trội khác thường người đương thời. Mùa Đông, mùa Hạ Sư đều tu tập. Nên các bậc Anh Đạt từ bốn phương xa đều đến nơi cửa mà thưa hỏi Sư. Sư tùy việc mà trình bày thẳng, không hề theo khuôn phép nêu bày. Người nghe kính tin, không ai chẳng đánh lễ nhận thọ lời dạy. Và đều xả bỏ Chương số, chỉ theo sự chỉ dạy của Sư và kính bảm giữ lễ Sư phụ, không dùng Pháp tuế để bó buộc.

Đầu niên hiệu Khai Hoàng (581) đời Tùy, Sư được mời đến kinh đô. Bộc Xạ Cao Dĩnh thỉnh Sư trụ chùa Chân Tịch, lập viện để Sư ở đó. Sư soạn “Đối căn khởi hành Tam giai tập lục”. Và ở Đông Sơn soạn “Chúng Sự Chư Pháp” gồm lại hơn bốn mươi quyển. Trích dẫn Văn từ y cứ bộ loại rõ ràng. Trước sau nhìn theo phong cách hợp thành nhóm tụ. Lại nữa, ở Kinh Đô, Sư lập ở năm ngôi chùa là: chùa Hóa Độ, Quang Minh, Từ Môn, Tuệ Nhật và Hoàng Thiện. Từ đó các chùa khác đều

khen ngợi tiếp thừa pháp độ ấy, nơi nào cũng sáu thời lễ bái mỗi ngày, lấy khát thực làm nghiệp, chí thành kính mến thanh khiết còn chẳng bằng.

Về sau, do cơn bệnh trở nặng, Sư gắng sức vào Phật đường, mỗi ngày riêng Quán tượng. Đến lúc hơi khí dần suy yếu, Sư bảo thỉnh tượng vào phòng, nằm mà nhìn mãi đến khi thị tịch. Sư thọ năm mươi bốn tuổi. Lúc đó nhằm ngày mồng bốn tháng giêng niên hiệu Khai Hoàng thứ mười bốn (594) đời Tùy. Qua ngày mồng bảy, từ chùa Hóa Độ đón rước nhục thân Sư đến núi Chung Nam. Chim Diều hâu kêu vang gò đồi. Kẽ tăng người tục khóc gào vang động cả kinh ấp, xả bỏ thân thịt, thâu nhập di cốt, hai tai còn nguyên, xây tháp lập bia ở dưới chân núi. Có Cư sĩ Dật dân ở Hà Đông tức Bùi Huyền Chứng soạn văn bia.

Bùi Huyền Chứng vốn xuất gia trụ chùa Hóa Độ, khi Sư đến ở đó, thì lại bắt chước, tất cả những thứ Sư soạn thuật đều giao cho Bùi Huyền Chứng ghi chép. Về sau theo tục phục còn dứt kiêu hào, tự kết bè bạn, lại lập khoa cương, người trở về với đạo đều khen ngợi. Lúc bình sinh Sư tự soạn văn bia, nêu bày đầy đủ đức hạnh của chính mình, đến sau khi quá vãng mới khắc bia dựng lập chỗ tháp, tức ba văn bia cao vợi được bày ở trước hang núi phía bắc chùa Chí Tướng.

Ban đầu, Sư chợt hứng khởi dấu vết khác thường, bấy giờ có người rất mực chê bai. Tại thông luận rõ ràng không cần phân biệt, chỉ vâng làm khắc phục sự nóng nảy, riêng tạm chẳng thường. Còn như Phật tông cũng là một phương thuật trong muôn phương thuật. Sư soạn Tập Ký đều dẫn Chánh Văn, nhưng Đề nêu bày danh xưng không định chuẩn đích, tuy nói là “Đối Căn Khởi Hành” mà u ẩn chỉ thể, nêu bằng nói sự trầm lắng. Các vị tài triết ở đời sau mong có sự hiểu biết có y cứ. Đến cuối niên hiệu Khai Hoàng (605) đời Tùy, có sắc lệnh cấm không được lưu hành, tương đồng với lời răn giúp. Có bản truyện riêng lưu truyền ở đời, sự tích Sư thấy ở Phí tiết Tam Bảo lục” vậy.

23- Truyện ngài Thích Tuệ Ý trụ chùa Cảnh Không ở Tương Châu:

Thích Tuệ Ý, họ Lý, người ở xứ Lâm Nguyên. Sư nghe giảng các kinh luận Đại Thừa, chuyên tu tập định hạnh. Khi Vua Vũ Văn phá hoại Phật pháp, Sư đi về hướng Nam đến đất nhà Lương, cùng Sa-môn Tuệ mạng ở núi Tiên Thành là người cùng thầy tìm xét tâm yếu. Sau, Sư đến chùa Cảnh Không, ở tại phòng thất cũ của Đại sư Thông, tổng nghiệp thường trụ. Chẳng cần dùng đến đèn đuốc, ngày đêm thường tỏa sáng.

Có người trong xóm là Đức Quảng Quận thú Liễu Tỉnh rất kính tin Phật pháp, bèn thỉnh Sư đến nhà, lập riêng thiền thất để Sư ở suốt trăm ngày để hành đạo. Khi đó gồm có tất cả bốn người Tỉnh, Tức, Úc, Bẩm mỗi đêm ngấm sang chỗ Sư ở, cả nhà đồng thấy trong thiền thất ánh sáng rực rỡ, Sư ngồi thẳng trang nghiêm, bèn sinh khởi tín tâm quy hướng. Kể tăng người tục ở trong xóm bèn đua nhau kéo đến cầu thọ quy giới. Đến đầu niên hiệu Khai Hoàng (581) đời Tùy, Sư thị tịch. Lúc sắp tịch, Sư bảo đệ tử là Sa-môn Tuệ Hưng rằng: “Hôm nay có nhiều khách đến, nên sửa soạn trai thực để tiếp đãi!” Đến giữa trưa quả nhiên Sư an nhiên ngồi thẳng mà thị tịch.

Bấy giờ, tại chùa Khai Hoàng ở Tương Dương có Sa-môn Thiền sư Pháp Vĩnh, vốn người xứ Nam Hương. Vua Minh Đế (Tiêu Quy 562 - 586) thời Hậu Lương thường luôn cúng dường. Sư dự biết vận mạng sắp dứt, nên từ già trở về Tương Dương để thị tịch. Suốt bảy ngày đêm, nghe có tiếng âm nhạc, mùi hương lạ phảng phất khắp chùa. Nhân đó Sư ngồi mà thị tịch. Nhục thân Sư được tôn trí lộ bày trên đỉnh núi Tản Cái. Có Luật sư Toàn là người cùng ở chung chùa đến chỗ nhục thân Sư mà nói rằng: “Xin nguyện lưu thân đợi đến bảy ngày!” Đến khi mãn kỳ hạn bảy ngày thì Luật sư Toàn bỗng nhiên thị tịch, bèn đón rước nhục thân Luật sư Toàn đến tôn trí bên cạnh nhục thân Thiền sư Pháp Vĩnh. Khi đó, nhục thân Thiền sư Pháp Vĩnh bỗng nhiên biến hoại.

Bấy giờ, lại có Sầm Xà-lê, họ Dương, người ở xứ Lâm Nguyên. Ngài xây dựng Tụng kinh Đường bên dòng suối phía nam núi Tản Cái, thuộc phía Tây chùa. Sư thường trì tụng Kinh Kim Quang Minh, chiêu cảm bốn vị Thiên Vương đến nghe. Sau, Sư đọc kinh tạng, đều chẳng quên sót, tính ra Sư đã tụng đọc hơn ba ngàn quyển. Sư chuyên mặc áo vải bố, thường đi khất thực. Thức ăn còn thừa trong bát, Sư thường bố thí cho chuột trong phòng. Có hơn trăm con chuột đều thuận tranh nhau chạy đến Sư. Nếu có con chuột nào bị bệnh thì Sư đưa tay xoa vuốt ve nó, mà chẳng câu nệ sự kiếm hoặc nâng cao chum rượu ăn uống, hoặc bọn trẻ nhỏ vui đùa đồng vui đùa quất mắng tăng lữ, hoặc tụng kinh sách ca vịnh, thuật ngược mọi sự từ trước đến nay. ngày thì tán loạn, đêm thì lễ tụng thiền tư. Đồng trong chúng, có Sa-môn Trí Hiểu kết giao với Sư, nhóm họp Thiền chúng, tự thực hành, giáo hóa giúp đỡ, cung cấp Định học. Sư tự biết ngày thị tịch, bỗng nhiên gọi Thiền sư Bạt đến căn dặn, rồi Sư lên điện Phật lễ bái và từ tạ chúng tăng trong chùa, đều xin Hoan hỷ. Ở chùa Thiền Cư, thiết đại trai hội sắp hoàn mãn, ngài (Trí Hiểu) nói với Sầm Xà-lê rằng: “Hãy cùng đến cung trời Đâu-suất, nghe giảng

Kinh Bát nhã đi!” Sầm Xà-lê bảo: “Em hãy đi trước, bảy ngày sau tôi sẽ đến!” Canh ba đêm đó, Ngài (Trí Hiểu) ngồi thẳng thị tịch. Đến canh bốn, Thần thức Sư đến chùa Biện Học - chùa đó cách xa mười dặm. Sư đến trước giường Pháp sư Thái, tự nhiên sáng tỏ như ban ngày. Sư bảo rằng: “Trí Hiểu Tôi muốn đi xa nên đến từ biệt Sư, không được dừng ở lâu!” Pháp sư Thái bèn đưa tiễn Sư đi ra ngoài ba lớp cửa. Tiễn biệt xong, Pháp sư Thái trở vào phòng ngồi xuống giường thì bỗng nhiên tối sầm. Pháp sư Thái bèn gọi Đệ tử hỏi: “Có nghe thầy nói chuyện với người khác chăng?” Và cầm đuốc soi khắp ba lớp cửa đều đóng, bèn hiểu rằng Thần lực của ngài (Trí Hiểu) vào ra không ngăn ngại, liền sai người đến chùa hỏi thì quả nhiên Sư đã thị tịch. Sau đó bảy ngày, tự nhiên không bệnh, Sầm Xà-lê cũng ngồi thẳng thị tịch. Di thể của hai ngài (Sầm Xà-lê và Trí Hiểu) được xây tháp thờ.

Lại có các Thiên sư Hạo, Thuần v.v... có nhiều việc linh dị, đều theo nhau ngồi thẳng mà thị tịch, ở đây lược không ghi hết.

TỤC CAO TĂNG TRUYỆN
(Quyển 16 hết).